TRUNG BAC
CHỦ NHẬT

N° A23149

Do Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiêu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

MỘT QUYỂN SÁCH MỚI :

«KIM VÂN KIỀU TÂN DIỄN PHÁP-VĂN»(1)

của ông M. R.

Năm 1942, thư xã Alexandre de Rhodes đã cho tái-bản bản dịch Pháp văn Kim Vân Kiều của Nguyễn-van-Vĩnh tiên sinh. Nay lại cho ra đời một bản dịch Pháp văn mới của một nhà văn Pháp, ông M.R. Sách dày 150, trang khổ 17 × 23, in rất đẹp, bìa hai mầu.

Đọc mươi trang đầu, ta đã thấy là một quyển sách mới mẻ về hình thức lẫn tinh thần. Ngoài bài tiểu dẫn ngắn ngủi nhưng rất đầy đủ về Nguyễn Du tiên sinh và truyện Kiều, có vài đặc điểm về cách trình bầy, ta chưa từng nhận thấy trong các bản dịch Pháp văn xuất bản từ trước đến nay. Đó là một biểu kê nhân vật truyện Kiều và một bản đồ trường-sở động tác truyện Kiều.

Những đặc điểm ấy, một độc giả vội-vàng có thể cho là những cái trang sức bên ngoài. Kỳ thực là những cái dấu hiệu nó biểu lộ một tinh thần mới mẻ, một phương pháp tân kỳ. Tựa hồ dịch giả muốn cung cấp tài liệu cho trí tưởng tượng ta khiến cho có thể sống lại một cách dễ dàng cái kiếp đoạn trường cùng con người bạc mệnh. Muốn chứng cho điều nhận xét ấy, chỉ cần xem kỹ bài tựa, ở đầu sách, lời văn súc tích mà thâm trầm thay.

Kỳ thủy, dịch giả thốt ra một lời thành thực đáng làm một câu cách-ngôn cho nhiều nhà dịch thuật «Dịch Kim Vân Kiều thực chẳng phải là một công việc dễ dàng đâu» Đọc câu này bát giác chúng tôi hồi tưởng đến chuyện ông Lewis May, nhà dịch thuật người Anh. Ông dịch tác phẩm của nhà văn Pháp là ông Anatole France ra tiếng Anh. Ông đã cố gắng mà bản dịch vẫn kém xa nguyên-văn. Ông mới đến yết kiến Anatole France tiên sinh và nói cho tiên sinh biết cái nông nỗi ấy. Tiên sinh trả lời : «ông nói phải đấy, ông ạ, ông nên hiểu rằng biết dịch là khó tức là điều-kiện thứ nhất của một dịch giả lành nghề».

Vậy ông M. R. đã có «điều kiện thứ nhất» của một nhà dịch thuật lành nghề. Ông đã chẳng ngần ngại mà nhận công việc dịch thuật là một công việc khó khăn, nhất là dịch một tác phẩm văn-vần bao hàm cả cái tinh thần cố-hữu của dân tộc Việt Nam là quyển Kim Vân Kiều.

Không những ông thành thực, ông lại khiêm tốn nữa. Ông nói «có nên in tên dịch giả lên bìa quyển sách này không? Ngoài cái mối giây liên-lạc giữa dịch giả với tác giả — vì chẳng đâu thì trong phạm vi văn chương còn có những cái hạn chế cho lòng phản bội — dịch giả đã mượn nhiều nơi một ít tài liệu, và cũng một đôi khi lại mượn nhiều. Dịch giả mang ơn nhiều nhất bản dịch đối chiếu của Nguyễn văn Vĩnh, mà thư xã Alexandre de Rhodes đã xuất bản một cách hợp thời. Gặp chỗ nào nguyên văn có thể giải thích nhiều nghĩa, dịch giả thường theo lối giải thích của Nguyễn văn Vĩnh. Gián hoặc, dịch giả không theo lối giải thích của Nguyễn văn Vĩnh nữa, thời dịch giả bao giờ cũng đã suy đi xét lại, so sánh câu nay câu kia, hay đã chất vấn các nhà thức giả. Đôi khi, dịch giả dùng ngay những chữ những câu của Nguyễn văn Vĩnh đã dùng. Nhiều khi, dịch giả dùng cả những lời chú thích của tiên sinh để soạn những lời chú thích của dịch giả, bổ cứu bằng những lời chú thích trong bản quốc ngữ truyện Kiều rất giá trị của S. E. Hồ đắc Ham (1929), lại tham khảo nhiều nguyên thư khác nữa».

Ngoài bản dịch của Nguyễn văn Vĩnh ra, còn ba bản dịch nữa là bản dịch của Abel des Michels bản dịch của ông L. Masse và bản dịch của ông Crayssac. Ông M. R. cũng nói đến ba bản ấy, nhưng ông chú ý nhất đến bản dịch của Nguyễn văn Vĩnh. Theo ý ông, bản dịch của Abel des Michels chú trọng về ngữ học mà lại có nhiều chỗ dịch sai, nhiều đoạn hiểu lầm. Bản dịch của L. Masse chẳng qua phỏng thuật nguyên văn mà thôi và có nhiều chỗ vì theo bản dịch của Abel des Michels nên cũng sai lầm. Bản dịch của Crayssac thời ít nhất độc giả xem qua cũng phải ngờ ngợ rằng : không biết có nên dịch thơ ta ra thơ tây không ?

Duy bản dịch của Nguyễn-văn Vĩnh là một bản dịch sác-thực nhất. Tuy nhiên « tiên-sinh chí tâm sác thực nên đã đánh bỏ cái thanh lịch của lời văn. Số là tiên-sinh vụ giảng giải hơn

(1) Nouvelle traduction française du Kim Vân-Kiều par M. R.

là hoàn-trí, giải minh hơn là cảm-dỗ. Vì thế lắm khi có những câu vụng về nhưng sát nghĩa, tiện-sinh dụng ý vẫn để y nguyên, tiên-sinh không dịch, tiên-sinh sắp sẵn tài liệu cho những dịch-giả đến sau ».

Sau khi phê-bình bản dịch của Ng-văn Vĩnh ông M. R. thuyết-minh về phương-pháp ông đã đem ra thực hành trong bản dịch pháp-văn của ông. Đại khái phương-pháp của ông có thể rút lại mấy điều sau này :

1°) Dịch rõ trung thực, sát nghĩa từng chữ từng câu.

2°) Nhưng vẫn cố giữ được nhạc điệu của các vần thơ Kiều.

3°) Vì không vụ giảng giải nên sẽ có rất ít lời chú thích, chỉ chú thích cho đủ hiểu nguyên văn mà thôi.

4°) Những địa-danh trung-quốc, phiên âm ra tiếng quan thoại để cho truyện Kiều vốn là một truyện Tàu được tác động trong một bầu không khí thích đáng.

Nói tóm lại, dịch giả hi vọng cho độc-giả người Pháp đọc bản dịch của dịch giả cũng có một hứng thú như độc-giả người Nam khi đọc nguyên-văn truyện Kiều.

Trên đây, chúng tôi đã lược-thuật phương-pháp dịch thuật của ông M. R., theo bài tựa quyển « Kim-vân Kiều tân-diễn Pháp-văn ».

Nay chúng tôi thử cứu xét đến giá trị và hiệu quả của phương-pháp ấy ra sao.

Ông M. R. không dịch Kim-vân-Kiều ra thơ tây. Về điều đó chúng tôi hiểu đồng tình sùng ông. Một thi phẩm không tài nào phiên dịch ra thơ ngoại quốc được. Thơ nước nào có cái đặc-tính, cái thổ-tài của thơ nước ấy. Đem một thi-phẩm dịch ra thơ tiếng nước ngoài, khác nào, như ông Shelley đã nói, đem một đóa hoa đồng-thảo bỏ vào cái lò nung kim-khí để mong truy nguyên hương sắc của nó. Dịch thơ ra thơ không phải là dịch nữa, nhưng là làm một công việc cải tác. Một thi phẩm dưới ngòi bút của dịch-giả sẽ biến hóa một cách huyền diệu để trở nên một thi-phẩm hoàn-toàn mới mẻ, khác hẳn với nguyên văn. Đó là nói những bản dịch có giá-trị của những nhà dịch thuật có biệt-tài còn những bản dịch tầm thường của những nhà dịch thuật kém cỏi, chẳng qua chỉ là những cớ, những nhịp cho những nhà dịch thuật ấy tập tành làm thơ mà thôi.

Vậy dịch một thi phẩm, thiết tưởng chỉ nên dịch ra văn xuôi, vì văn xuôi mềm mại, uyển-chuyển dễ uốn theo tinh-tứ, và vận điệu của nguyên văn. Xem bản dịch của ông Crayssac một câu Kiều mà phải dùng đến hai ba câu thơ tây mới diễn dịch nổi, đủ biết dịch ra văn xuôi còn hơn văn vần nhiều.

Tuy nhiên dịch ra văn xuôi cũng không phải là một việc dễ dàng đâu. Dịch cho sát nghĩa từng chữ từng câu chỉ là một trong những điều kiện của một bản dịch hoàn mỹ. Lại còn phải cố diễn đạt được cái vận điệu của những vần thơ trong nguyên văn. Điều thứ nhất, đã được thực hành một cách thỏa mãn trong bản dịch của Nguyễn-văn Vĩnh. Sở dĩ bản dịch này thiếu điều kiện thứ hai, không phải là Nguyễn tiên-sinh chẳng đủ tài-năng để làm công việc ấy. Nhưng chính là vì tiên-sinh theo đuổi một mục-đích đặc biệt, muốn cho người Pháp thời ấy — ta chớ nên quên rằng bản dịch của Nguyễn-văn Vĩnh xuất-bản lần đầu trong Đông-dương tạp-chí vào năm 1916-17 dưới mục Cổ-kim văn hợp thái — vừa thưởng thức đại khái được truyện Kiều, vừa hiểu rõ văn phạm tiếng quốc-ngữ và cho các nhà tân-học nước ta tròt sao những quốc-văn đọc bản dịch ấy cũng để hiểu các điển-cố trong truyện Kiều, mà duy các nhà cựu học mới thông hiểu được thôi. Bản dịch của ông M. R. xuất bản hai ba mươi năm sau bản dịch của Nguyễn-văn Vĩnh, lẽ dĩ nhiên là phải theo một phương-pháp khác hẳn để cho thích hợp với sự nhu-cầu của lớp độc-giả mới người Pháp và người Nam.

Mà lạ thay, lịch sử dịch thuật Kim Vân Kiều ra Pháp văn ở bên ta có nhiều giai đoạn tương tự với lịch sử dịch thuật sách ngoại quốc ra tiếng Pháp ở bên Pháp. Lối trực dịch (Traduction littérale) và đối chiếu (Traduction juxtalinéaire) của Nguyễn-văn-Vĩnh giống in lối dịch của các nhà dịch người Pháp ở thế kỷ thứ X khi họ dịch Thánh-Kinh và các Kinh điển La Hi, để cống hiến học sinh các học đường thời ấy. Lối dịch của ông L. Masse thời phảng phất như lối phỏng dịch của các nhà dịch thuật Pháp vào thế-kỷ 17 và tiền bán thế-kỷ 18, không vụ dịch sát nghĩa, chỉ cầu văn đẹp lời hay, lắm khi lại đẹp lại hay hơn cả nguyên văn nữa thậm chí người ta đã tặng cho những bản dịch ấy cái đặc hiệu nửa hoạt kê nửa châm biếm « Les belles infidèles ». Lối dịch của ông Abel des Michels chú trọng về ngữ học ta thấy đã được thực hành bên Pháp ở thế kỷ 16, về thời kỳ văn nghệ phục hưng, khi các nhà văn hội « Thất tinh » (La Pléiade) đảm đương việc chấn hưng, bồi bổ tiếng Pháp với cái hi vọng nâng đỡ tiếng Pháp lên cái địa vị cao quí của cổ ngữ La-tinh, Hi-lạp. Còn lối dịch hoàn toàn trung thực (Traduction fidèle) của ông M. R. mãi đến cuối thế kỷ 18 và đầu thế-kỷ 19, mới thấy xuất hiện dưới ngòi bút các nhà dịch thuật người Đức như Gœthe, Schlegel, Tieck, Voss và người Pháp như Leconte de Lisle, Mérimée, Emile Deschamps, Théophile Gautier, Vigny v. v. Theo phương pháp này dịch thuật chỉ là dịch thuật, không hơn không kém. Độc-giả muốn đọc một bản dịch một danh văn ngoại quốc, không ai tha thiết đến nguyên văn bao giờ. Vậy bản dịch ấy phải diễn tả được cái nguyên vị và cái bản sắc của nguyên văn khiến cho độc-giả cảm thấy những cái đặc tính của tác giả và của xứ sở tác-giả. Kể đến thế-kỷ XX, các nhà dịch thuật lại càng chú trọng về sự dịch cho rõ trung thực. Những dịch phẩm giá trị nhất ngày nay là những bộ sách dịch Kinh điển La Hi do tủng thư Budé xuất-bản và những bộ sách dịch danh văn ngoại-quốc của các giáo-sư trường đại học Paris như các ông Em Legouis và J. Baldensperger.

Xem đó đủ biết lối dịch của ông M. R. trong quyển « Kim vân Kiều tân diễn Pháp văn » là một phương pháp dịch thuật rất thích hợp với thời nay. Thực là một kỷ-nguyên mới trong cuộc tiến triển dịch thuật văn phẩm Việt-Nam ra tiếng Pháp ở nước ta.

Giá trị phương pháp ấy đã thể công hiệu quả no ra sao, độc-giả hãy đọc mấy đoạn trích lục ra dưới đây sẽ tự trả lời được câu hỏi ấy

« *Lầu xanh có mụ Tú Bà,*
« *Làng chơi đã trở về già hết duyên,*
« *Tính cờ chàng hẹn mà nên.*
« *Một cửa mướp đắng hai bên một phường.*
« Dans une maison verte de plaisirs, habitait
« la mère Tú Bà. Elle avait vieilli dans le monde
« où l'on s'amuse, et perdu tous ses charmes.
« Par un coup du sort, il se rencontrèrent sans
« préméditation. « Quel couple ! sciure de bois et
« courge amère bons à mettre au même panier.
« *Bên thì mấy á mặn ngài.*
« *Bên thì ngồi bốn năm người làng chơi.*
« *Giữa thì hương lửa hẩn hoi.*
« *Trên treo một tượng trắng đôi lòng mày.*
« D'un côté se trouvaient quelques filles, aux
« sourcils minces de bombyx, de l'autre,
« étaient assis quelques jeunes fêtards. Au milieu
« brûlait l'encens traditionnel.
« En l'air était suspendue une image du Génie
« aux sourcils blancs.
« Tiễn đưa một chén quan hà.
« Xuân đình thoảt đã dạo ra Cao đình.
« Sông Tần một giải xanh xanh.
« Lơ thơ bơ liễu mấy cành Dương quan.

(Le vieillard lui aussi le pressa d'aller rassu-
« rer les siens) lui offrant la coupe d'adieux à
ceux qui vont passer frontières et rivières. Au
pavillon du bonheur printanier, succédait celui
« de Cao-đình. Le fleuve Tsin déroulait pour
« eux sa ceinture bleuissante tandis qu'émer-
« geaient des rangées de saule, les tristes rameaux
« de Yang-Kouan ».

T. B. C. N.

Được tin Bác-sỹ Nguyễn tuấn Phát, đã từng chữa bệnh tại nhiều bệnh-viện nhà nước, vừa được mãn hạn tòng-quân về mở phòng xem bệnh tại Hanoi số 21 Phố hàng Đũa (Lý thường Kiệt), sau phố Sinh-từ, cạnh viện Tẽ-sinh.

Bác-sỹ Phát bắt đầu tiếp khách từ 15 Aout 1944.

Nhà xuất-bản BÁCH-VIỆT

In những sách giá trị mang dấu hiệu một nghệ-thuật tiến-bộ

Mới có bán:

NHÀ QUÊ

của Ngọc GIAO

Cuốn tiểu thuyết dài đầu tiên trong đời văn của tác giả.—Sách dày gần 300 trang. Giá bán thường 4p.0. Bản đặc biệt in giấy Đại-la 25p00. Giấy dó lụa 36p00

Đã có bán:

XÓM GIẾNG NGÀY XƯA

của TÔ-HOÀI Giá: 2p50

Sách in cực đẹp trên khổ giấy 18x24

CHUYỆN HÀ-NỘI

của VŨ-NGỌC-PHAN Giá: 2p30

Bạn trẻ đón đọc:

LOẠI SÁCH BỔ NGỰA

VUI VÀ BỔ ÍCH

Sách viết riêng tặng Tuổi Trẻ do những nhà văn danh tiếng như: NAM-CAO, TÔ-HOÀI...

Thư và mandat xin đề cho:

M. PHÙNG-VĂN HỢP

40, Rue du Cuivre — HANOI

bộ Võ Phi Hùng Của Hồ Perfume Ký (67-74) Tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

NHỮNG ẢNH-HƯỞNG CỦA CHIẾN-TRANH

Một địa hạt nào mà chiến tranh đã đi qua, thì trên miếng đất bị dày xéo ấy, đừng nói là các sinh vật, đến những hòn đá vô tri cũng không mong được an ổn. Cái cảnh thành đồ quạch tan xưa kia chỉ có một phần, nay đã lên đến muôn phần thảm khốc. Nhất, đến khi yếu thế, những người điều khiển chiến tranh lại dùng chính sách « tiêu thổ », lác rác lui binh đội, họ đã làn phá hết những chỗ có ích cho quân sự, mà cả mọ viên ngói, một ngọn cỏ, họ cũng muốn hủy hoại hết, không cho đối phương lợi dụng được tí nào. Không bị hủy hoại thế, cái địa hạt trước khi để « bàn chân chiến tranh » dẫm lên, ngay cách từ ngoài trăm cây số đó bị đội bom, đã bị súng đại bác bắn « quét » mở đường trước rồi, cũng không còn nguyên vẹn bao nhiêu.

Đó là một địa hạt mà chiến tranh đến trực tiếp, ngoài ra, còn những nơi nó đến một cách gián tiếp, cảnh tượng bày ra sao ? Khảo xét vậy, tức tìm hiểu những ảnh-hưởng của chiến tranh từ gần đến xa, từ chỗ nó đã cha đạp đến chỗ nó chưa đi tới.

Vì những lối đánh nhau mới mẻ và phức tạp, cuộc chiến tranh ngày nay tạo rắc biết bao thứ ảnh-hưởng nó hết thảy các dân chúng trên hoàn cầu. Đừng kể là một nước làm trận, ngay những nước còn đứng ngoài vòng khói lửa, cả những nước trung lập nhỏ vị trí địa dư không đứng ngang ảnh hưởng tiềm binh của ai, mà ở rất xa chiến trường cũng bị ảnh hưởng nữa.

Về « chiến tranh kỹ nghệ » — bởi một số đông thợ thuyền bị động viên đưa ra mặt trận, và đến khi đã giao chiến là lác hữu sự nhất, là tự người ta không còn bị điều kiện gì để nén, hoặc tinh, hoặc nghĩa để bó buộc những hành vi của mình. Bình thời, công việc sản xuất khí giới bị các nước lân bang và các ngành nội trị ngăn trở, đến nay được công nhiên khuyến khích và bành chướng tới cùng cực sức chế tạo, thành ra rất khan thợ, thiếu nhân công. Thêm vào đấy những cuộc đánh phá « chặn gân » cốt triệt hạ sức ủng hộ của lương dân ở sau mặt trận, nhân công càng thiếu hụt, có khi người ta phải ép dùng những đàn bà, con gái vào những công việc nặng nhọc của đàn ông. Phụ-nữ hiện nay đã làm nhiều việc lắm, và mới đây, có nước còn cố tìm cách huấn luyện họ cầm binh ra trận nữa, bởi máy móc qua tiến bộ, chỉ cần điều khiển những bộ phận mà máy móc chưa tự chỉ huy nổi.

Tiếp đến kỹ nghệ sinh hoạt bị chuyển sang kỹ nghệ chiến tranh. Các nhà máy chế tạo khí giới tuy có dựng nhiều thêm lên, song chiến tranh chưa biết bao giờ kết liễu thì người ta chưa rõ thế nào là « tổ thừa » cung cấp cho binh tinh ở mặt trận. Bởi thế, kỹ nghệ sinh hoạt cứ bị rút bớt mãi cho đến ngày tan cuộc.

Đến vấn đề vận tải các nguyên liệu. Bị « chiến tranh phong tỏa », sự giao thông thêm muôn phần khó khăn, chậm chạp. Vì giữ đúng nền trung-lập không cho các nước dự chiến chở chuyên trên địa hạt mình, các nước chưa dám nhau phải ngăn cấm cả tàu ngoại quốc phạm vào hải tuyến cung phi cơ bay trên không-trung nữa. Dung tăng tức chậm ngột chiến-tranh cho nước mình nỏ. Vì thế, tàu bè các nước phải kéo dài đường xá, và còn vừa đi vừa nghe ngóng, trốn tránh vòng hoạt động của đội quân tuần liễu hoặc thủy quân, hoặc phi cơ địch.

Muốn chắc chắn, một chiếc tàu vận tải, phải cần thêm các chiến hạm và máy bay bảo vệ. Công việc này mới càng tốn kém. Như hồi đầu năm 1943, quân Mỹ đánh miền nam Tunisie có đến 100.000 người bị chết, bị thương và bị bắt làm tù binh. Một nhà chuyên môn hải quân Đức tính muốn chở số binh lính ấy từ Mỹ qua Bắc Phi phải dùng tới 200.000 tấn tàu, tức một đội 30 chiếc chở chuyên, trung bình mỗi chiếc 6.000 tấn lớn bằng cỡ chiếc tuần dương hạm Primauguet của Pháp ở Á-đông. Như vậy, một tấn thương thuyền Phải cần đến hai tấn tàu chiến hy sinh hộ tống.

Bởi công đài tải tốn kém, bởi thiếu nhân công trong kỹ nghệ sinh hoạt, và máy móc trong kỹ nghệ này bị rút bớt thành sức sản xuất khí giới càng tăng tiến thì hóa phẩm khác càng phải sút kém, mà số người tiêu thụ vẫn nhiều như trước, hay hơn trước, vì khi hữu sự nhân khẩu bao giờ cũng thêm, cho nên ai ai cũng phải chịu cái luật cung cầu — các đồ dùng thường nhật của lương dân càng tăng giá gấp bội, tăng đến chỗ không thể tưởng tượng được.

Ảnh-hưởng về « chiến-tranh tuyên-truyền ». — Để đề phòng quân địch gieo rắc những tin tức bịa đặt, xuyên tạc sự thực, làm nản lòng lương dân và binh linh, chính phủ phải kiểm-duyệt thư từ, báo chí, giấy thép, máy vô tuyến điện truyền thanh... Do những công việc kiểm duyệt, do những sự vận tải khó khăn và do những sự thiếu hụt nguyên liệu cùng nhân công, các thư từ gửi đi thành chậm chễ, các sách vở báo chí xuất bản ngày một hạn chế. Lại vì những điều bí mật và khôn khéo trong việc hành chính và quân sự, các nhà chức trách không thể cho phép dân chúng truyền bá cho nhau hay những tin tức dù nhiều người đã biết. Lương dân chỉ cần được nghe những điều nào nên nghe, biết những điều nào nên biết. Do đó tin tức lọt đi, người ta ăn nói phải đề dặt cẩn thận hơn, vì sợ có khi vô tình đã làm tuyên truyền cho bên địch.

Đó là tình hình ở các nước dự chiến.

Đến các nước trung lập, vì sợ các bàn tay gián điệp của ngoại quốc tuyên truyền, người ta cũng phải khắt khe như thế. Hơn nữa, vì sự nghe biết mà hiểu lầm, dân chúng có thể xô đẩy một chính phủ đương yên lành đi vào vòng khói lửa.

Ảnh-hưởng chiến-tranh hao-mòn và phong-tỏa. — Một mặt bị sản xuất thợ thuyền, máy móc và nguyên liệu chuyển từ kỹ nghệ sinh hoạt sang kỹ nghệ chiến tranh, một mặt lại bị phong tỏa nữa, và nhất lại bị sự tàn phá hao tổn trực tiếp của chiến tranh đòi hỏi thúc bách, khiến những thực phẩm và nhu cần hàng ngày cứ thiếu hụt dần mãi, vì vậy, muốn tiết kiệm, chính phủ bèn đặt ra lối cấp bông, thẻ, không cho lương dân được phép tùy tiện muốn dùng bao nhiêu thì dùng. Ai ai cũng phải sống khan khổ, không được tự do ăn xài, dù trong tài có nhiều tiền.

Ảnh-hưởng về « chiến tranh gián-điệp ». — Sự kiểm duyệt thư từ, giấy thép, máy vô-tuyến điện truyền thanh của dân chúng lại để phòng được cả những tay gián điệp ngoại quốc. Tuy vậy, các nhà chức trách còn phải đặt thêm nhiều ban giám sát, và bắt mọi người khi đi đâu xa phải có giấy phép nữa. Vấn đề giao thông dần dần trở nên rất khó khăn, ai nấy đều không được đi lại dễ dàng thong thả như trong lúc thái bình.

Ảnh-hưởng về « chiến-tranh chặn gân ». — Khi có tin phi cơ oanh tạc của bên địch bay vào địa-phận, lập tức tất cả lương dân đều phải vào hầm chốn tránh, việc gì cũng bỏ hoãn lại. Như thế, mỗi tiếng còi báo động đã ngăn trở hết cuộc sinh hoạt của mọi người. Rồi đến biết bao nhiêu việc nữa xảy ra, dính líu từ việc nọ đến việc kia, gây nên bởi sau những cuộc thả bom của các phi cơ địch.

Đó là tả sơ những ảnh hưởng mà dân chúng các nước làm trận phải chịu đựng ở cách xa bãi chiến trường. Nếu chiến tranh đến xát nách thì cái cảnh nhà cửa tan tành còn diễn thêm vô cùng thảm khốc.

Thống-chế PÉTAIN đã nói:

« Nhờ có hai trận mà mỗi đồng-tâm của quốc-gia được thắt chặt; chúng ta sở dĩ quây quần để tìm sự bảo-vệ chung. Sự gần gụi đó, âu chỉ là tự nhiên, là hi vọng nâng đỡ nhau trong cuộc phục-hưng. Nhưng Quốc-gia Cách-mệnh còn phải cần sự thống-nhất của nước Pháp ».

Trong T. B. C. N. một số sau :

Truyện bây giờ

Bàn về những tiểu-thuyết dài và ngắn hiện đương xuất-bản ở nước ta

của VŨ BẰNG

Song, đến ngay các nước trung lập, nhà cầm quyền cũng bắt lương dân phải sống theo những lẽ lối ấy. Vì, chiến tranh ngày nay không để ai được đứng « trung lập yên ổn ». Nó giao rắc ảnh hưởng khắp nơi. Và, theo luật lệ mới, nó ngấp nghé tất cả các ngưỡng cửa của các dân tộc trên hoàn cầu.

Trước hết, vì đánh lối « hao mòn và phong tỏa », các nước dự chiến, không những đã ngắt giao với nhau, mà còn muốn hết thảy các nước khác tuyệt giao với các nước thù của mình. Mà đến khi cả hai bên cùng muốn vậy, thì một nước trung lập ở sao cho vừa lòng, dù nước ấy muốn giữ « hoàn toàn trung lập », không giao dịch với cả hai bên đánh nhau (ấy là ta chưa kể cuộc lân-sinh-hoạt nó khiến ta không thể không thông thương với ngoại quốc) để khỏi được lòng bên nọ mất lòng bên kia. Nhưng, vì cần đến các nguyên liệu để theo đuổi chiến tranh, các nước dự chiến cũng bắt buộc phải dùng võ lực bù đắp vào sự thiệt thòi của mình. Như thế, các nước trung lập vẫn không sao giữ nổi an toàn.

Ngoài ra, lại còn những nước thám mồi lợi chiến tranh, nhân dịp đứng giữa bán súng đạn hoặc cho thuê khí giới, như trong trận giặc 1914-1918 có nước buôn bán súng đạn với cả hai bên đánh nhau, tức tự mình đã gây nên cái mầm sẽ phải dự chiến rồi.

Sau nữa, vì mỗ rộng mãi phòng tuyến trước mặt yếu điểm quân sự như Trực phải chiếm Bắc Phi để che chở cho Âu châu, như đồng minh đóng quân ở đảo Crète khiến Hi-lạp không thể không dự chiến, hoặc khi cần « ra tay » trước bên địch, hoặc tiện đường dùng về quân sự, các nước đánh nhau cũng phải phạm đến nền trung lập của các nước khác.

Mặt trận cứ mỗ rộng mãi phạm-vi, sẽ không còn một nước nào không thể không tòng đàng-bình, không bị phong tỏa lây, không bị lôi kéo, đạn lạc, sống khám khổ dắt kèm, và ít nhất cũng có một vài phen lo lắng, kinh-hoàng với lúc chiến-tranh đã tiến đến biên-giới của ngõ nhà mình.

Quả đúng với điều lệ « chiến-tranh tràn lan » và « chiến tranh lôi cuốn chiến tranh ». Và, tóm tắt, không ai có thể tránh được ít nhiều ảnh-hưởng trực tiếp hay gián tiếp của chiến-tranh hiện thời « chiến-tranh hoàn-cầu » !

VŨ-XUÂN-TỰ

25 Juillet 44 sẽ có bán :

VĂN MINH SỬ

TRONG BỘ « NHÂN-LOẠI TIẾN HÓA SỬ »

của

NGUYỄN BÁCH KHOA

— Nhìn suốt con đường tiến hóa của văn minh loài người từ đời thái cổ đến hiện tại.

— Dò tìm cơ cấu thành hình của các yếu tố văn minh như : kinh tế, chính trị, tư tưởng, nghệ thuật.

— Khám phá mối quan hệ giữa văn minh Đông-phương và văn minh Tây-phương.

TỦ SÁCH « TÂN-VĂN-HÓA »

Hàn-Thuyên phát-hành

N· 71, TIEN TSIN — HANOI

MỚI CÓ BÁN :

Hai Giòng Sữa

của NGUYỄN-BỔNG

Bản thường 4p50 — Bản quý 25p00

THẦY LANG

Phóng sự dài của TRỌNG-LANG

Bản thường 4p00 — Bản quý 25p00

SẼ CÓ BÁN :

XUÂN VÀ SINH

Truyện dài của tác giả Thanh-Tịnh

ĐƯƠNG IN :

LÀM DÂN

Phóng sự của TRỌNG-LANG

TRONG LŨY TRE XANH

của TOAN-ÁNH

Nhà xuất-bản HÀN-MẶC

Giám-đốc NGUYỄN-NHƯ-TÍCH

N· 26, phố Hàng Quạt — HANOI

TRUYỆN NGẮN

NHẪN-NHỤC

LÊ TÂM-KÍNH

Mụ Hương Đạt trở vại, tách khỏi đoàn, rẽ vào một con đường nhánh khuất khúc : « Các o về đàng nớ nha ! »

Giọng hát ở bỗng tắt, nhường chỗ cho những lời từ giã rối rít :

— Ừ, mụ về đàng nớ ! — Mụ về đàng nớ — Mai đi nữa không để kêu ?

Ngày sắp hết, mặt trời mới lặn trên đỉnh núi Con Tầm còn lưu lại ở nền trời xanh những tia ánh sáng hình nan quạt, xòe ra tua tủa tự đầu non. Mụ Hương đi sâu vào con đường lờ mờ tối, một tay tì lên đòn xóc để giữ thăng bằng cho hai bò cải nặng, một tay hơi co, đánh lia-lịa từ trước ra sau để lấy đà, chân thoăn thoắt chạy, lật-đật như người đi trên bãi cát giữa buổi trưa hè.

Thấy mụ về, con Vàng dỏ ra vẫy đuôi tíu tít cái đầu sát đất rít lên những tiếng kêu vui ; mụ Cu Nhạc đang ăn cơm với chồng và con ở sau, trong chiếc Nồng xề cạp, vội vàng « vô phép cơm o » bằng thứ giọng chua le mà mụ ghét cay ghét đắng. Anh Cu mời chị thật thà và thân mật hơn : « Ả mèi cơm ».

Mụ Hương dắn cải cạnh hàng rào, rút dao và mo đựng cơm ra, cắp nón vào nhà : « Không dám, mời cụ mợ ». Rồi để có một câu chuyện mà nói, mụ hỏi : « Bữa ni ăn cơm sớm rứa », à Cu vênh cái mặt lên, bẩn ngay một phát : « Giầu sớm lỏ, khó sớm cơm ! Giầu có chi mà phải ăn cơm tối cho tốn dầu ! »

Thằng Cu lấm lét nhìn o, đặt bát cơm xuống, kè nhè : « Em bỏ mứa, em nỏ ăn nữa ». Hắn đứng dậy định lại phía o vòi xin, thì cái bàn tày cứng và đen của mẹ hắn đã in đốp lên đít trần của hắn năm dấu dài. Hắn khóc lên, và ả Cu cũng hét lên. Rồi ả đổi giọng, nghiến răng kèn kẹt : « Ác vừa vừa ra, ác vừa vừa ra ! chỉ làm hại con tui thôi. Hắn bỏ cơm, hắn đau bụng cũng chỉ vì sim, vì muồng, vì ổi ! Khổ lắm ! »

Anh Cu ôm con vào lòng, xoa mông cho hắn, ngọt ngào dỗ, đánh trống lảng : « Nín đi con ! ăn cơm đi. »

— Phải, bữa ni « tây » đuổi, hông có chi cả, ăn cơm đi.

Mụ đã nói dối, mụ có trong mo những trái sim béo nung nục mà mụ định chuồi cho cháu khi vắng mặt em dâu. Mụ biết rằng em dâu mụ ghét mụ, muốn đuổi mụ đi đã lâu chỉ kiếm dịp để gây sự ; nếu hắn bắt được mụ cho cháu « cái của độc » ấy thì hắn không để cho mụ yên thân, hắn đánh con chửi con, nói cạnh nói khóe, nói xa nói gần, và nhân đó nhắc lại những chuyện xích-mích xảy từ đời « cố Huế ». Tội nghiệp, mụ hiếm hoi, có độc, thấy trẻ con thì thích bồng, thích hôn hít, thích cho ăn. Mụ nghèo nàn, không thừa tiền mua bánh cho cháu, chỉ có những trái rừng làm quà biếu hắn thôi. Mà những quả ấy đã ngon mà lại không độc như em dâu mụ nói ; nhiều lần, mụ cũng thấy hắn mua về cho con ăn đấy, ấy rửa mà nếu là của mụ, thì hắn đổ ngay ! Thật là ghét người ghét cả đường đi ! Có khi tức mụ định toang cho một mẻ, nhưng tính mụ vốn hiền lành, ngày thường nói một câu còn chưa dứt khoát, thì làm gì mà đấu khẩu được với ả Cu Nhạc khi hắn nổi lam bành, vỗ tay đồm độp, mồm năm miệng mười, trò mồi nhọn mỏ. Và nếu đã tới đỗ chọi tay đôi được với hắn chắc đâu mụ đã dám tận-từ, bởi vì số phận hẩm hiu đã đặt mụ vào một cảnh ngộ éo le, bắt buộc mụ phải nhẫn-nhục trước sự quá-quắt của em dâu, cay nghiệt, và cậy thế có nhà cho mụ ở đệ.

Ơ

Mụ Hương xấp-xỉ bốn mươi tuổi. Người mụ nhỏ loắt-choắt, thấp lè-tè, trông xa tưởng là một o con gái mười bốn, mười lăm, nhưng lại gần, ta sẽ ngạc nhiên trước khuôn mặt dài thượt, nhợn hoắt, da xám ngoét và khô khan xếp lại trên trán như nếp khăn lượt đàn ông, căng thẳng ở lưỡng quyền gỗ, và chùng lại hai bên má hợp

Đỗ Võ Phi Hùng Cựu HS Petrus Ký (67-74) tặng Huỳnh Chiếu Đẳng chủ Kho Sách Xưa Quán Ven Đường

thành những đường nhăn lăn tăn chạy xuống quai hàm hoặc chầu vào hai bên khóe môi.

Thuở sinh-thời, sơ ma ông Nho vẫn thường rầu rầu bảo con : « Cái chi độ tam của họ Lê ta sát đàn bà con ghí lắm. O thầy trước lấy chồng giàu mà vẫn long đong, rút cục mù-lòa mà không con thừa tự. Hai o con cũng rứa một đứa chết non, một đứa góa chồng đến bốn lượt ! Bây giờ đến con, số thì thọ, nhưng xét tử vi thì hai cung phu, tử đều không ra màn răng... »

Bởi vậy, ông kén rể rất kỹ. Nhà ông thanh bạch, con ông lại xấu, ông không dám mơ ước cao xa, chỉ cốt gặp người hiền lành, phúc hậu siêng năng và hợp tuổi. Những đức tính ấy ông đã nhận thấy ở Đạt người học trò cũ của ông, nhà nghèo nhưng thông-minh, đứng đắn, lại kém con ông hai tuổi. «Nhất gái hơn hai, nhì trai hơn một ! » Ông mỉm cười nghĩ tới câu ấy trên giường bịnh và tạm yên tâm khi thở hơi cuối cùng.

Vợ chồng ông Hương Đạt hai hút sống cùng nhau trong nếp nhà tranh, góp sức lực và của cải, năm sào ruộng của vợ, hai sào hương hỏa của chồng, họp thành một gia đình đầm ấm, trên thuận dưới hòa. Họ luôn luôn gần gũi nhau. Khi cày bừa trong cánh đồng bát ngát, chung hưởng làn gió mát phất qua, cùng chịu những giờ nắng cháy lóc, mưa thấu xương. Khi đốt than, hái củi giữa rừng, cùng ăn với nhau một mo cơm nắm, cùng uống với nhau một nón nước suối trong veo, cùng len lỏi trên những con đường khuất khúc, vượt những ngọn ghềnh cao, kẻ sau người trước. Đời họ vất vả nhưng lòng họ thênh thang, và những đêm khuya khoắt, vợ thường thủ thỉ nhắc bên tai chồng những lời tiên đoán của cha thuở nọ, và bàn thêm : « Nói rứa chớ, mỗi người một số khác chắc, ai lại giống ai ! phải không anh hấn ? » *Anh hấn* trả lời bằng một tiếng « ừ » âu yếm, vô tư lự.

Mụ Hương Đạt nhớ suốt đời cái năm « hạn » ấy, cái năm đã định đoạt cả một kiếp người : cuối tháng giêng mụ bỏ mất thằng con trai đầu lòng; rồi sang tháng tư, xảy ra cuộc đại hạn kéo dài hết tháng sáu nhuận. Bầu trời cao vòi vọi, không vướng một gợn mây đen! Từ sáng đến tối vừng kim ô chói lọi xỉa xuống thôn quê những tia lửa đỏ. Bông, khoai, bắp, đậu chết cháy trong những ruộng pha cát bị rang khén. Lúa chiêm đã tròn mình dưới những ruộng sâu, nghẹn đòng không lỗ được, héo dần, héo dần rồi khô quắn khi đất đã nứt nẻ thành những tảng cứng ngắc. Dân gian hội đảo đến ba lần ở ba ngôi đền nổi tiếng thiêng nhất vùng, đền Mục, đền Tây và đền Can, có rước tất cả các vị linh-thần đàng huyện tới dự, có quan sở tại nhận làm nhủ tế, ăn chay nằm đất ba bốn ngày đêm ; thế mà vẫn vô công hiệu, nắng vẫn càng dữ dội, gắt gao !

Sang tháng sau, sự đói kém hiện ra rõ rệt. Nhà nghèo cạn vốn không kiếm được việc làm đâm ra trộm cắp hoặc rủ nhau đi tha-phương cầu-thực. Nhà khá-khá bán lần ruộng đất mâm nồi, trâu bò, nhà cửa. Chỉ những nhà giàu tích trữ được lúa gạo, tiền nong từ mấy năm trước là đỡ khổ. Họ lại có dịp làm giàu thêm, tậu thêm ruộng vườn, đồ đạc với một giá quá hạ. Cái gì cũng rẻ như đồ xanh, trừ các món thực phẩm. Gạo đỏ một quan hai bơ cạo, bắp khoai càng ngày càng hiếm, được bắn dần thay vào bằng rau má phơi khô, củ chuối bầm nhỏ.

Gia-đình hương Đạt tuy không bận bịu mẹ già con dại cũng không tránh khỏi nạn chung. Họ đã bán rẻ mất năm sào ruộng cho cụ chánh, trừ được món nợ trước, lấy được vài chục quan tiền tiêu dần và non hai hộc thóc mà họ ăn dè được tháng rưỡi ! Sau cùng chồng thất vọng bảo vợ : « Thôi để tôi đi một chuyến, nghe nói anh Hạc Mai, bác Đỏ Mận ra Hà-nội độ trước mần ăn khá lắm, mới gửi tiền về bữa tê».

Mụ Hương vốn không muốn xa chồng, đinh ninh nghĩ rằng thà ở nhà nhịn chịu cực chịu khổ cho qua quẫn bách ; nhưng tình thế cứ kéo dài ra mãi mà tiền sắp hết, gạo đã cạn, chẳng lẽ bán nốt hai sào hương-hỏa của nhà chồng đi ! Mụ đành gạt nước mắt ưng thuận, bùi ngùi hỏi : « Rứa rồi khi mô về ? »

Tết răng cũng về. Nhờ trời mần ra tiền, gửi về cho mà tiêu !

Bữa cơm tiễn chồng thật là cảm-động. Còn hơn bơ gạo, mụ nấu hết, lại liều đi hai tiền chuộc con cá tràu to, nửa nấu canh nửa kho lạt. Vợ Bách ỷ Hè cũng âu-yếm chồng đến thế là cùng !

Mười tám hôm sau, mụ nhớ đúng không sai một buổi — trời đổ mưa xuống, thì đã hết mùa gieo mạ, ruộng đất bỏ hoang trắng xát. Tuy thế, đời sống ở thôn quê giảm phần gay-go, nhân dân khỏi chết khát và dễ tìm công việc hơn trước.

Mụ Hương Đạt vẫn sống cuộc đời thường, ngày ngày hái củi, đốt than, xay lúa, giã gạo thuê, hoặc mò đem, bắt ốc kiếm ăn lần hồi. Vì nhớ chồng, vì làm lụng vất vả, bữa rau bữa cháo thất thường, mụ đổ hẳn người đi, già hoặc lại, mặt-mũi hốc-hác, lưỡng khưỡng trên cặp dò gà. Bước sang tháng chín, khi gió lạnh thổi nhiều, bồi thêm một lát nặng vào tấm thân kheo-khư ấy, mụ không chống nổi nữa, vặng ốm ra, nằm chờ chết. Cũng may mà vừa lúc ấy, Đỏ Mận ở đường ngoài về, mang về cho mụ tám đồng bạc và những tin tức của chồng mụ trong mấy tháng vừa qua.

— Chúng tôi gánh thuê ở chợ Đồng-xuân, khó nhọc nhưng cũng đủ ăn tiêu. Ông Hương khỏe mạnh, trông « kẻng » lắm, không lù khù như trước nữa đâu. Ông ấy miệng lưỡi giỏi, mánh khóe nhiều, phát tài hơn anh em chúng tôi.

Mụ mừng quýnh, nhẹ nhõm cả người, và nhờ mấy chén thuốc bắc, nhờ những bữa ăn đầy đủ, mụ lành bịnh rất chóng.

Tết năm ấy, khi Hương-Đạt lửng-khửng xách gói về tới ngõ mụ trông ngờ-ngợ, không dám nhận ngay : chồng mụ đã khác hẳn ngày ra đi, má đầy, da mặt trắng và mịn, không rám nắng, không lùi xùi những mụn. Ông đội cái mũ khum-khum, mặc cái áo tây vàng, cái quần cắt-bà bờ lơ, đi đôi guốc sơn đen nhánh ở tay lóng lánh một vòng nhẫn bạc.

— Làm gì mà đứng ngẩn ra đấy ? Ông hỏi vợ rồi đi thẳng vào nhà, ngồi phịch xuống giường tỏ vẻ không vui vì thấy vợ già và gầy đi nhiều lắm.

— Đã về đó à ?

Mụ thốt lên được mấy tiếng ấy, rồi không dám nhìn thẳng, mụ tiếc chồng, lo lắng nhận ra rằng giữa hắn và

(xem tiếp trang 25)

ĐÃ CÓ BÁN KHẮP NƠI
Alfred Nobel
VUA CỐT-MÌN VÀ CHIẾN-CỤ
2$20 1 CUỐN
CỦA DƯƠNG-V-MẪN
C.I.P.I.C
72 Wiélé HANOI

NGHIÊM-PHỤC
và vấn-đề văn-hóa Đông Tây

XI
Muốn cầu cho Tào-Tháo và Hàn-Phi sống lại

Cô-hồng Minh và Nghiêm Phục là hai người Tàu đi học Âu-châu xấp xỉ đồng thời, rồi sau cùng bất mãn với Tây-hóa, nhưng có sớm muộn khác nhau.

Đỗ bác-sĩ Đức và Anh, thông-hiểu bảy thứ tiếng Âu-châu chưa kể cổ-ngữ La-tinh và Hy-lạp, họ Cô nhận thấy ngay tinh-thần văn-hóa Tây-phương không bằng của Đông-phương. Còn họ Nghiêm thì phải trải qua một hồi say-sưa rồi mới đi tới chỗ đó.

Lúc thấy Dân-quốc thành lập mà kỷ-cương hại-hoại, không được như Thanh-triều, trong ý Nghiêm Phục đã hơi ngờ vực chán ngán Tây-hóa. Đến sau thấy Viên-thế-Khải tự xưng đế, rồi lại thấy bọn quân-phiệt chiếm giữ mỗi người một địa-phương, đánh nhau lung tung, dân-tình khốn khổ; kế đến Âu-châu đại-chiến năm 1914 phát ra, làm cho Nghiêm thất vọng về cuộc cách-mạng Trung-quốc, tắm lòng tín-ngưỡng Tây-hóa của ông cũng đồng-thời bật cả gốc rễ.

Cũng trong bức thư gửi cho Hùng-thuần Như, ta thấy ông viết:

— «*Tôi gần về già, chính mắt trông thấy 7 năm Chi-na Dân-quốc và 4 năm huyết chiến ở châu Âu cổ lai chưa có, xét ra cuộc tiến hóa của họ trải 300 năm, chỉ làm nên được tám chữ «Lợi minh giết người, kém liêm ít sỉ». Ngành lại xem cái đạo Khổng Mạnh, thật là lượng rộng ngang trời đất, ơn nhuần khắp thế-gian. Điều ấy, chẳng phải một mình tôi nói đâu, ngay những người Thái-tây có tư-tưởng, cũng đã hơi biết như thế!*»

Đứa trẻ phóng-đãng, bỏ nhà đi chơi khắp đó đây, nếm trải hết nhân tình thế-thái, gặp nhiều nỗi vất-vả thất vọng, bấy giờ lại trở về nhà, mới biết lòng thương yêu của cha mẹ là to, nhận thấy không-khí nơi mình sinh trưởng thật là tươi tốt, ấm cúng. Nghiêm-Phục thành thực tự nhận mình là đứa trẻ đó.

Tấm lòng tín ngưỡng văn-hóa Tây-phương bây giờ tiêu-tan mất rồi, ông trở lại nghiền-ngẫm những tư-tưởng triết-lý của nho-gia, thấy vườn xưa cảnh cũ đầy vẻ xinh đẹp rực rỡ; thế mà trước kia mình phụ bạc, lơ đễnh, không tin ông thánh nhà mình cũng linh thiêng chán, lại cầu kỳ đi lạy Thích-ca ngoài đường!

Ông xét việc nước đến nỗi hư hỏng tồi tệ thế này, là bởi cái tâm con người ta hư hỏng tồi tệ mà ra; chính nó là đầu tội, khiến cho Trung-quốc ngu-si, yếu hèn, không thể hợp lực, không thể tự cường, không thể phấn chấn tranh hành được với thiên hạ. Vậy thì cái học chính tâm tu-thân của thánh hiền Trung-quốc nghìn xưa, tức là phương thuốc giải nguy cứu khổ cho Trung-quốc hay nhất và cần nhất.

Tin chắc mười-mươi điều ấy, cho nên ông không hề ngần ngại nói quyết với họ Hùng:

— Cảnh nguy nan trước mắt của Trung-quốc, đều bởi nhân-tâm hư hỏng xui nên. Ngày kia, cái mạch sinh-tồn của ta lại được hưng vượng, vẫn là nhờ nơi giáo-hóa tiên-vương mấy nghìn năm trước để lại cho. Túc-hạ nhớ lấy câu tôi nói đó, rồi nghiệm mà xem!

Đọc mấy hàng trên, tất ai cũng thừa hiểu ý-kiến ông lão này đã đi từ cực đoan nọ sang cực-đoan kia: trước ông gào Tây-hóa hoàn-toàn, giờ ông muốn Trung-hóa phục cổ. Nhưng ta nên biết ý-nghĩa phục-cổ của ông, là giữ lấy tinh-thần văn-hóa cổ-hữu mà vẫn tùy thời chế biến cho bằng thiên-hạ.

Tư-tưởng ấy suy rộng đến chế-độ chính-trị, ông chủ-trương việc cần trước hết là quét sạch đám quân-phiệt, để thống nhất trong nước, dựng lên một chính phủ trung-ương có đủ quyền lực mạnh, hầu thực-hành mọi việc ích lợi cho nước, cho dân. Trước mắt ông lúc bấy giờ, Trung-quốc chia năm xẻ mười, dân-gian bối rối khổ sở, mà những kẻ nắm quyền thế trong tay hầu hết là hạng võ-phu vô-học, chẳng ai giá-ngự sai bảo được ai; quốc-thể vì đó mà rời rã, vì đó mà yếu hèn. Theo ông, nay muốn cho Trung-quốc được bình-định, thống nhất, trước hết phải có một tay quật cường thao-lược như bạng Tào Mạnh-đức, Lưu Đức-dư ngày xưa, trỗ tài quét sạch những bọn anh-hùng lau nhau kia đi, thu chính-truyền về một mối, lúc ấy mới có thể nói chuyện thi-hành pháp trị. Một nước còn chia rẽ năm bè bảy bối, chỉ cầu tư-lợi, phá rối việc chung, thì không mong phú-cường tiến-hóa gì được!

Một khi nước đã thống nhất rồi, ta phải lo sửa sang thì-thố pháp-trị.

Ông bảo pháp-trị cốt lấy thực-sự thực hiệu làm gốc. Ngày nay vẫn có thể lựa chọn những lý-thuyết phương pháp hay của Hàn-phi-tử, Thân-bất-hại, đem ra ứng-dụng vẫn đã., vẫn là hợp thời. Miễn sao đạt tới mục đích bên ngoài khả-dĩ chống với cường-quyền, không để cho họ lấn hiếp ta; bên trong thì cầu cho nhân-dân an cư lạc nghiệp, ngày thêm giàu mạnh, ấy thế là được. Còn những chuyện đạo-đức cao xa thì hãy tạm hoãn, sau sẽ bàn tới. Bởi việc cần kíp là làm thế nào Trung-quốc khỏi phải nguy vong.

Tư-tưởng Nghiêm-Phục đến lúc chuyển biến, thật là chuyển-biến một cách cùng tột.

Với những đồng bào ông còn đang ve vãn say mê Tây-hóa, không như mấy năm về trước ông thúc-giục người ta dọn sạch trong nhà để đón nó về; giờ ông đưa tay ra ngăn cản, có ý van lơn tha thiết:

— Này! các anh chớ nghĩ những cặn bã của thiên-hạ là hay, vồ vập đi rước về mà khốn!

Ta thử nghe ông nói thế này:

— Cuộc đời đang lúc biến-thiên nhanh-chóng, như bánh xe quay tít; những việc cổ-nhân phải trải qua trăm năm, hay một vài trăm năm, đến nay chỉ mười năm là xong. Vì thời-gian chả khác không-gian, chặng đường thuở xưa phải đi hàng mấy năm mới đến nơi, bây giờ người ta rút lại vài ngày thì đến. Cho nên nhất thiết học-thuyết nọ, pháp-lý kia, hôm nay ta coi như khuôn vàng thước ngọc, chỉ trong chớp mắt đã hóa ra đồ bỏ, không đáng đem bày ra nữa. Ví dụ những chủ-nghĩa tự do, bình-đẳng, dân-quyền, đối với trăm năm vừa qua, thật là quý báu, dường như phúc-âm thứ hai; thế mà đến nay mối tệ của nó càng ngày càng hấy lộ ra đấy. Nếu ta không biết sửa đổi toan tính khác nơn, tất có cái vạ loạn vong xảy đến.

Cái luận-điệu ấy đủ tỏ ra Nghiêm-Phục chán chường Tây-hóa đến thế nào, trải qua một thời-kỳ hăm mộ đảo đề.

Không có ý phê bình phải trái gì hết, chúng tôi chỉ muốn lược thuật tư-tưởng họ Nghiêm đối với Tây-hóa trước sau xoay đổi đại khái là thế.

Còn nhớ cách nay chừng hơn mười năm, tất cả học-giới và phần-tử trí-thức nước Tàu đã mở một cuộc hội họp ý-kiến rất to, chủ-đích là thảo-luận vấn-đề văn-hóa Trung-quốc bây giờ nên sửa sang xây dựng thế nào cho phải. Kết quả có lời tuyên-ngôn của mười vị giáo-sư danh-vọng, đã được phần đông tán-thành. Trong có mấy câu cốt tử này, khiến ta có thể nhận thấy hình-ảnh Nghiêm Phục:

«Không bo bo thủ cựu, không nhắm «mắt theo liều, cần cứ vào bản-vị nước «Tàu rồi lấy thái-độ phê-bình, dùng «phương pháp khoa-học, để xem xét dĩ «vãng, gìn giữ hiện tại xây dựng tương «lai».

HẾT

ĐÀO TRINH NHẤT

TUỒNG CỔ

Ông quản Phan vừa nhìn mọi người vừa nói: «A bảo các ông là *xướng ca vô loài*. Các ông phải biết hát tuồng cổ là một nghệ-thuật tối hoa, và những kép hát là những tài-tử đáng quý. Các ông đừng tưởng chỉ có dân-gian mình là thích hát tuồng, xem tuồng thôi hẳn; các ông có biết đâu nghệ-thuật hát tuồng đã được các bậc vua chúa từ nước Tàu cho đến nước Nam ham thích. Tôi nói ra thì các ông không tin, chứ các ông hẳn không rõ, ngày xưa đã có người Ưu-Mạnh dùng tuồng để cảnh-tỉnh vua Sở Trang-vương. Các ông có muốn nghe, tôi thuật chuyện lại cho các ông nghe? Ngày xưa Tôn-thúc Ngao là một vị quan-liêm nước Sở. Lúc chết con là Tôn-An rất nghèo mà không được Sở-vương trợ-cấp. Ưu-Mạnh thấy thế lấy làm thương hại, rồi nhân khi vua Sở Trang-vương với đến làm trò có hát:

«Quan tham không nên làm thế mà nên làm, quan liêm nên làm thế mà không nên làm. Quan tham không nên làm vì tham làm tức là hèn-hạ, nhưng lại nên làm vì con cháu được sung-sướng; quan liêm nên làm vì liêm-chính tức là cao khiết, nhưng lại không nên làm vì con cháu bị đói rét như Tôn-An là con quan lệnh doãn Tôn-thúc Ngao nước Sở ta vậy».

«Bài hát đó đã cảnh-tỉnh được vua Trang-vương, và Tôn-An đã được lục-dụng. Các ông đã thấy cái hay của tuồng chưa?

Còn như nước ta các vua Tự-Đức, vua Đồng-Khánh, vua Thành-Thái đều thích tuồng cả. Chính đức Thành-Thái ngài đã lên sân khấu.

Như thế thì sao gọi là *xướng ca vô loài* được!...

Nghe ông quản Phan nói, mọi người nín im thin-thít, vì ông vừa là bề trên, vừa nói có lý nên không còn ai cãi lại nữa.

Ngay từ thuở nhỏ, ông quản Phan đã mê xem tuồng. Thời thì những tích: *Tiết-nhân-Quý chinh đông, Quan Vân-Trường quá ngũ-quan trảm lục tướng*, những tích: *Hoa-dung tiểu lộ, Dự-nhượng lam đả long-bào*, và biết bao nhiêu tích hát khác, ai nói đến đâu là ông thuộc lầu đến đó. Và những khi ở nhà, ông luôn luôn hát lại những câu ông đã nghe được ở trong rạp tuồng. Giọng ông cứ oang oang như tiếng vỡ, khiến cho hàng xóm nhiều phen phải bực mình. Có lẽ hồi thiếu-thời ông thích tuồng *Sơu-Hậu lắm*: người ta bảo thấy ông luôn hát lập những câu trong vở đó:

«Tề-trào nguyên-lão, mỗ hiệu Định-Công; sơn sắt một lòng, tuyết sương sáu giáp...

Nhỏ, ông còn đi xem hát; nhớn lên, ông họp hẳn anh em lập một ban tuồng trong hàng xã. Ông vốn là con nhà cựu học, nhưng lại thông-thuộc cả quốc-ngữ, nên vừa đọc được những bản tuồng cổ và những bản tuồng mới; xem những bản tuồng, ông lại nghiên-cứu cả những sách khảo về hát bội. Do đó, tuy ông không phải là một người hát tuồng nhà nghề, ông cũng biết những điều mà một người nhà nghề phải biết, có khi ông còn biết hơn thế nữa. Ông biết rõ nghề hát bội truyền ở Trung-quốc sang bên ta từ đời nhà Trần; gánh của Lý-nguyên Cát, theo quân Mông-cổ sang cướp đất Nam bị quân Trần bắt sống, là một gánh hát có một nghệ thuật hoàn-mỹ gồm đủ cả các biểu-minh của tinh-thần: thi, ca, âm-nhạc và nhảy múa. Gánh hát này bị quân ta giữ lại để truyền nghệ-thuật hát bội cho quân chúng.

Ông quản Phan lại thông-thuộc cả các lối hát, nào là *hát khách*, nào là *hát nam*, nào là *hát nói niêu*; ông có thể nghe hát mà phân-biệt được từng điệu riêng của mỗi lối hát: điệu *hát khách thường* khác *điệu phủ lạc* ở chỗ nào, điệu *ngâm* khác điệu *hát bang, hát lầu mã* và *hát bài* ở chỗ nào; điệu hát nào phải dùng ở trường-hợp nào.

Thuộc lối hát tất nhiên ông quản phải thuộc cả các điệu bộ, y-phục, cách vẽ mặt và những lối bỏ cảnh của nghệ-thuật của ông Đông Phương-Sóc.

Đang lúc ông lưu tâm để lập một ban hát ở trong làng thì ông phải nhi-nước gọi ra tòng-ngũ. Ở trong quân cũng như ở nhà, ông vẫn theo đuổi cái thú chơi hát tuồng mà ô gưa thích. Những lúc hội của nhà binh, hay giờ ông cũng mặc áo ra sân khấu để mua vui cho anh em đồng ngũ. Điệu bộ ông rất đẹp, giọng hát ông rất hay. Anh em trong trại ai cũng mến tài ông, và ông, trong những thì giờ rảnh rỗi đã tập cho được rất nhiều người hiểu biết hát tuồng. Ông cần-dặn bảo ban anh em từng ly từng tí. Đôi khi ông hơi trở nên khó tính vì điệu bộ nhiều người không ăn nhịp với âm nhạc. Phải là một người tài học như ông mới hiểu hết những chi-tiết trong cái nghệ thuật mà ông say mê.

Ở lính mấy năm, ông đóng đội, rồi ông được cử sang Pháp. Trong khi ở Pháp, đã nhiều phen ông cùng anh em diễn tuồng ở Marseille và ở Carcassonne.

Ngày nay sau gần hai chục năm ở trong hàng-ngũ, ông trở về quê-hương với cái chức chánh-quản.

Về đến làng, việc đầu tiên của ông là nghĩ đến lập lấy một ban hát ở trong dân để phòng những khi hội hè thì dân làng mua vui với nhau. Mặc dầu nhiều người gièm pha và công kích, ông vẫn hội họp được anh em trong làng thành một ban hát mà ông là cố-vấn về mọi phương-diện kiêm chân chánh hội-trưởng. Sở dĩ anh em mến ông vì ông học rộng, xem nhiều và biết rõ về nghề hát bội. Anh em lại mến ông vì nghe ông thuật lại cái thời niên-thiếu của ông đầy thơ, đầy mộng, đầy những thú rực rỡ say sưa của tuổi hoa-niên kể từ lúc ông đi xem hát mà mê đào của ban hát, đến những lúc ông sắm các vai Lã-Bố trong tuồng *Phụng nghi-đình*, Chu-Du trong tích *«Giông Xích-Bích, Chu-Du phóng hỏa»* được biết bao nhiêu là người ngợi khen, có dịp nào để ông giảng giải cho anh em hiểu rõ về nghệ thuật hát tuồng. Ngày nay vì dân làng sắp vào đám, muốn sen mấy tối hát tuồng vào chương-trình ngày hội nên ngỏ ý nhờ đến ông, cần ông luyện tập đồng ban để trước là hát thờ thánh sau làm vui cho hội. Vì thế nên lần này ông lại hòi họp anh em và ông muốn nhân-tiện nói qua cho anh em biểu kỹ càng hơn về nghề hát; ông muốn anh em không những xem tuồng cổ mà lại còn phải trọng tuồng cổ là khác. Ông nói: «Anh em hãy giờ có lẽ người ta hát tuồng là không hợp thời nữa, chỉ có kịch với cải-lương mới được mọi người hoan nghênh; anh em phải biết, đừng vội nói đi đừng ấy chứ, mà nghệ thuật hát tuồng nó là một nghệ thuật hoàn toàn Á-đông còn đáng nên lưu giữ và chấn hưng. Muốn biểu được nông phải hiểu điệu bộ của các vai, rồi đến y phục cùng lối vẽ mặt. Điệu bộ chiếm một phần quan trọng trong nghệ tuồng. Điệu-bộ phải đoan trang hùng dũng để có cái vẻ quý phái của nền nhạt tự quân chủ ngày xưa, điệu bộ phải có vẻ khoan thai điềm đạm nghiêm-nghị để giữ lấy cái nề nếp quy cũ, cái vẻ chững chạc của nền nghệ thuật.

Điệu bộ hát tuồng không có ý tả chân mà chỉ tượng trưng cũng như nhiều mỹ-thuật khác của phương Đông

ta. Nhà họa sĩ vẽ một cảnh hoa cúc tức là tả cả một mùa thu với trăng trong gió mát, trời quang mây tạnh thì đằng này với một tài tử làm một cử-chỉ là có ý muốn biểu-lộ một cảm giác, một mối cảm tình, một nền luân-lý trật-tự của thời xưa. Khi người đó giơ cánh tay làm cái bộ lau nước mắt là không phải muốn tả chân cái buồn mà chỉ ám hiệu cái buồn ấy cho chư khán giả tự do tưởng tượng bao nhiêu nỗi đoạn trường đau đớn. Mỗi điệu bộ ta phải tưởng tượng đến một việc. Trung, ninh điệu bộ khác nhau.

« Đ ệu bộ đã khó, đến các y-phục và vẽ mặt cũng không là dễ. Mặt quan trung thì trắng, mặt quan võ trang thời đỏ, mặt ninh thần thì sám.

« Tôi nói ra không xuể, rồi tôi sẽ cho anh em mượn những sách của tôi mà xem. Anh em sẽ nhận thấy bao nhiêu cái hay cái quý ở nghệ hát tuồng của ta xưa.

« Bây ờ tôi muốn bàn với anh em đến những vở tuồng ta sẽ tập để diễn vào dịp hội.

Ý tôi không muốn diễn những tuồng về lịch sử Trung-Hóa, mà tôi muốn lấy ngay những vở của các tiền nhân ta đã soạn, những bản tuồng « *Thù chồng nợ nước* » của cụ bảng Hoàng, « *Đông Á song phụng* » của cụ Đông Châu !...

Ông quản nói rất nhiều, nhưng bạn tuồng ai hiểu được hết những lời ông nói, và ai thâu nhập hết được những ý ông muốn trình bầy với anh em. Họ chỉ biết hát tuồng là hát tuồng và họ thích hát tuồng chỉ vì họ sẽ được dịp lên sân đình khoe tài với bà con trong làng xã, nhất là với các cô gái quê nhí nhảnh cùng nhau nấp đằng sau những cột đình để sì sào ca tụng họ.

Tuy vậy ông quản Phan cũng lấy làm mãn-nguyện vì ông đã được dịp tỏ bày những điều ông muốn cho ai cũng hiểu được như ông, và những lời ông nói chỉ là « đàn gẩy tai châu ! »

Ông muốn nâng cao nghệ-thuật hát tuồng cổ, nhưng than ôi, ông đã là người của thời xưa !

TOAN-ÁNH

TỤC LẠ XỨ QUÊ

Tôi xin trân trọng cảm tạ nhiều bạn đọc đã cho tài liệu về tập « Tục lạ xứ quê » Tiếc rằng nhiều bạn gửi những tài liệu không được đầy đủ. Vậy từ nay xin các bạn cho biết rõ :

1·) Làng có tục lạ đó (tên nôm và tên chữ).

2·) Nếu có thể, nguồn gốc tục ấy.

3·) Ngày hội làng có tục ấy.

Bao nhiêu tục lạ tôi đều cần đến cả rũ hay hay giở. Có nhiều bạn nhầm chỉ gửi những tục đẹp, còn những tục về dâm thâu và tà thần thì tôi nhận được rất ít.

Xin nhắc lại là đối với các bạn có thịnh tình cho tài liệu tôi đều gửi sách biếu làm duyên.

TOAN-ÁNH
N· 40 Rue Lomé Vinh-yên

Người lịch-sự chỉ dùng
fixateur
ARISTO

ĐÃ CÓ BÁN :

THƠ ĐỖ PHỦ

Một trong sáu bộ sách tài-tử của Tàu. Bản dịch của NHƯỢNG-TỐNG
Một tập thơ vĩ-đại — dày 400 trang — gồm 362 bài đủ các điệu, đủ các vẻ lựa lọc những bài hay nhất trong 1.405 bài của thi-sĩ — một thiên tài về thơ chẳng những của nước Tàu, của châu Á mà là của cả thế giới của cả đời Giá 11$50

Ở Hanoi sách chỉ để bán tại nhà xuất bản TÂN VIỆT — 29 LAMBLOT HANOI

Có một đồng bạc mà muốn làm giàu nhanh chóng và lương-thiện thì chỉ có cách là : MUA VÉ XỔ SỐ ĐÔNG-PHÁP

LÊ-VĂN KHÔI

LỊCH-SỬ TIỂU-THUYẾT CỦA HỒNG-PHONG

(Tiếp theo)

Ngoài bảy tội nên chém, còn có hai tội nên xử giảo : một là cố xin dung rạp Diên-điện để che chở lỗi mình ; hai là nói chuyện với người ta xin được bài thơ tiên có câu : « Nhất đán hoàng-bào bức thử thân ».

Thêm một tội nữa đáng phát-phối sung-quân, là tội tự tiện sai binh lính đóng tầu thuyền cho mình.

Triều-thần xét ra vụ loạn Phiên-an, chính Duyệt là đầu-têu, vậy chiếu theo luật mưu-phản thì phải ghép y vào tội lăng-trì mới đáng. Nhưng y đã chết rồi, vậy xin thu nết cáo sắc, mở quan quách ra mà giết thây, hầu treo gương cho kẻ khác lấy đấy làm răn. Cho đến ông cha của y được phong tặng cáo sắc, nay cũng truy đoạt hết cả ; mồ mả có chỗ nào xây dựng lạm phép thì xin phá hủy ; vợ con cũng phải chịu tội, tài sản nhà y đều tịch-một sung công.

Bản án đệ lên ngự-lãm ; vua Minh-mạng muốn tỏ công-bằng, sai Hình-bộ sao-lục gửi đi các tỉnh, hỏi ý kiến các hàng tổng-đốc tuần-phủ, cho phép cứ thực tâu bày. Nhưng có ông mô dám ngỏ ý kiến gì khác là điều vua đã muốn ? Thành ra mỗi ông đều tâu ve tán tụng rầm rập ; chẳng nghe một tiếng nào bênh vực ông Duyệt, ngay những người từng chịu ơn đề-bạt của ông cũng vậy.

Vin lấy chỗ gọi là công-luận ấy, nhà vua có lời châu-phê như sau này :

« Cứ xem như thế thì đủ rõ lẽ trời không « sai, mà công-đạo ở lòng người không sai « giấu được. Kẻ quyền gian kia gây nên tai « vạ, ai ai cũng phải căm giận, muôn miệng « cùng lời, đủ tỏ cái án sắt nghìn xưa. Tội « ác của Lê-văn Duyệt dù nhổ từng sợi tóc « mà kể cũng không hết, nói ra đau lòng ; « dù có bổ quan quách ra mà giết thây, cũng « là đáng tội. Song nghĩ nó chết đã lâu, và « chăng đã truy đoạt quan tước, thôi thì « sương khó trong mà chẳng hỏ gia hình. « Vậy truyền cho tổng-đốc Gia-định đến « mà nó, san làm đất bằng, và khắc đá dựng « bia ở trên viết to những chữ : *Quyền gian « Lê văn Duyệt phục pháp xứ* (1) để chỉnh « tội danh cho kẻ đã chết mà tỏ phép nước « về đời sau, làm gương cho kẻ quyền gian « muôn đời. »

Con nuôi ông Duyệt là Lê-văn Hán, có một lúc đã đóng vai thuyết khách chiêu hàng, nhưng bị Khôi mắng nhiếc một chặp rồi đuổi đi, chuyện ấy độc-giả hẳn còn nhớ. Bây giờ nhà vua cũng nghĩ lại công ấy, cho Hán ban đầu tuy có giao thông với giặc, nhưng chẳng qua cuống dại một lúc không như những kẻ trước sau theo giặc chống cự quan-quân, nên chỉ Hán chỉ bị khép vào tội trảm-giam-hậu, cũng án treo thế thôi.

Phụ lão ở Gia-định tương truyền rằng : hôm các quan tỉnh Gia-định vâng chỉ thi hành cái án Lê-văn Duyệt, đến ngôi mộ ông tại Bình-hòa-xã, san thành đất bằng và đặt một giầy xiềng bằng sắt chung quanh tấm mốc đá có tám chữ theo lệnh vua dạy, trời đang quang-đãng bỗng nổi ra âm-ỹ thêm cần. Người ta kinh dị bảo nhau :

— Cái oan-khí của Thượng-công phát-tiết ra đấy !

Không muốn để lại một tý dấu vết phản loạn, hay là ngụy-đảng đã bị trị tội nghiêm khắc thì bức hành cũng không nên dung tha, đồng thời nhà vua sai phá thành Phiên-an đi, xây thành mới, nhỏ hơn, lui vào phía trong. Ấy là thành Gia-định.

Cách sau mấy chục năm, người Pháp đến Saigon, ra tay xây dựng mở mang. Lúc khởi công xây nhà thờ lớn ở Saigon hiện nay, người ta phải dọn dẹp nhiều gò đống chung quanh, để san bằng đất bằng. Nhân thế, người ta đào thấy mộ lớp tro tàn và những

(1) Đây là chỗ tên yêm-hoạn lộng quyền Lê-văn Duyệt chịu quốc-pháp.

mảnh vụn đã cháy đen. Đó là dấu tích kho tàng lương thực của Khôi quận công bị đốt cháy trong khi bình-triều hạ thành Phiên-an tháng 7 năm Mậu. Trong lúc đào đất, dân phu lại phát quật được nhiều đồng tiền đồng đã cháy và đính cục lại ; và số qua đạn bằng sắt hay bằng đá còn nằm ỳ nguyên dưới đất, xen lẫn ngói vỡ gạch vụn. Lại thấy cả thi-hài trẻ con bỏ trong chum trong tháp dấy kín nữa.

8

Trong những hôm Triều-đình xử vụ án Lê-văn Duyệt, bọn Mạch-tấn Giai, Lê-văn Cử đã thanh án, vẫn nằm ở ngục Hộ-thành đợi ngày thọ-hình chính-pháp.

Chẳng ai muốn sống hay cầu sống, mà cũng không còn mảy may dạo trông mong thoát chết được nữa, cho nên họ sốt ruột cầu lấy chóng chết cho mát tấm thân, nhưng mà ngày ấy đến bao giờ, chưa biết.

Vì chính triều-đình cũng còn chờ đợi.

Muốn cho cuộc xử-quyết này có vẻ nghiêm long trọng ở trước tai mắt dân-gian nhà vua cốt đợi tất cả tướng-sĩ thắng trận ở thành Phiên-an trở về kinh-đô, làm lễ phục mạng và hiến-phù tử tù, rồi bấy giờ mới đem bọn Mạch-tấn Giai ra chính-pháp.

Cuối tháng mười, đầu tháng mười một, đại quân mới lục tục kéo về đến kinh-thành. Họ được nhà vua sai quan Thẩm-mệnh đi đón rước ở ngoài hai mươi dặm và ban đồ khao-lao quân-sĩ một cách rất hậu.

Thái-công Triều đi theo đại-quân khải-hoàn và cũng được coi như một chiến-tướng có công trận.

Cách một hôm sau, cơ nào vệ ấy, đội ngũ chỉnh-tề, cờ xí rực-rỡ, đứng xếp hàng trước cửa Ngọ-môn ; đối diện mấy đội cấm-binh mặc nhung-trang đỏ chói và tán quạt voi ngựa dàn hầu cửa kỳ uy-nghi. Vua Minh-mạng ngự chính giữa trên lầu, đằng sau là các vị thân-vương hoàng-tử, nai nịt thì văn võ đại-thần đều bận triều-phục.

Dứt hồi chiêng trống bát-âm, đo quan Lễ-bộ xướng lễ, các tướng-sĩ ở Gia-định khải-hoàn, từ Nguyễn-Xuân trở xuống, bái ban làm lễ phục-mệnh hiến-phù, dâng lên quyển sổ kê biên các khoản khí-giới, lương thực, vật dụng, cho đến số quân ngụy đã bắt được ở thành Phiên-an.

> Thống-chế LYAUTEY đã nói : « Ta là một sinh vật chỉ sợ hoạt động ». Chúng ta nên theo gương ngài.

Đoạn, người ta đem bọn Lê-văn Cử sáu người ở trong cũi ra, bắt họ làm lễ ngũ-bái tỏ ý đầu phục nhà vua, trước khi đi chịu hình.

Người nào người nấy ở cũi ấu ngày, hai đầu gối như đã tê-liệt, không còn cử-động co ruỗi được nữa. Lính phải đỡ từng người ra xếp hàng chữ nhất trước cửa Ngọ-môn, để cho họ hành lễ. Nương tới khi linh buông tay ra bảo họ lạy thì cả sáu người cùng khuỵa chân, ngã quay lơ trên sân đá một lượt, chẳng lạy lục gì được.

Giá như có đứng vững chân, họ cũng không chịu lạy nào. Có người lính cấm-vệ đứng gần, trông thấy Đặng-vĩnh Ưng đưa mắt ra hiệu cho đồng bối, rồi cả bọn đồng thời ngã vật xuống, làm bộ tê chân, không thể làm ễ. Họ nghĩ hai bên tương-địch, mình thua trận bị bắt, kẻ thắng trận bắt quá chặt đầu phân thây mình là cùng, việc gì mà phải lạy lục.

Tuy vậy, linh cũng phải chiếu lệ, hai người dỡ một tên ù đứng thẳng lên và thét họ lạy Ngài-ngự đi.

Họ lại ngã vật xuống kêu nữa, rên-rỉ kêu đau vang trời.

Linh lại đỡ dậy, rồi một chú ôm giữ ngang lòng cho khỏi quỵ xuống một chú nắm chụm hai tay họ lại đưa lên đưa xuống, bắt vái năm vái.

Họ trơ như người gỗ, mặc linh làm gì thì làm, chỉ cúi gằm mặt xuống đất, không hề ưỡng lại mà cũng không ngó lên trên lầu Ngọ-môn. Người bàng-quan tưởng họ đã kiệt sức tê gần, chẳng thể làm lễ quy-bái theo đúng nghi-tiết triều-đình, nhưng sự thật đường như họ làm ra vậy, lập tâm không lạy.

Lễ hiến-phù xong, quan Đề-đốc Hộ-thành thân dẫn 150 tên linh, nhận lấy tù đưa thẳng ra hình-trường-chính pháp.

Trời tháng một chạp, vừa mưa vừa rét, mỗi tù-nhân chỉ đóng một chiếc khố mỏng để mình mẩy trần-truồi, cho nên người nào cũng rét tím da thịt và run lẩy bẩy.

Đội linh dẫn tù đi hành-hình, có cờ trống, gươm dáo, voi ngựa, quan Hình-bộ giám-sát, mặc đồ đại-trào cỡi ngựa, mang gươm tuốt trần, xem rất uy-nghi. Bọn tù cũng ngồi trong cũi có người khiêng.

Từ cửa Ngọ-môn ra hình-trường là bãi chợ Đông-ba, không có mấy bước đường, nhưng người ta được lệnh phải đi quanh co nhiều phố-phường dân-cư, để cho thiên hạ xem mà làm gương. Đi một khúc đường lại nghe tiếng loa thét vang, nói cho dân chúng biết rằng : đây là sáu tên đầu đảng quân ngụy Phiên-an đã bị triều-đình đánh tan, bắt sống, bây giờ đưa đi xử lăng-trì.

Lúc đi ngang phố-phường Thượng-tứ, có mấy nhà từ tâm, thương hại bọn tù rét mướt run rẩy, lén quăng cho người thì chiếc mền cũ, người thì tấm áo rách, để họ khoác lên mình cho đỡ lạnh lẽo.

Người ta đi đi lại lại quanh phố để làm quảng cáo mãi, hết mộ, trống canh mới đến hình-trường.

Giữa bãi, mỗi người thụ-hình phải quỳ gối, ngảnh mặt về phía Hoàng-cung, hai tay trói lại sau lưng, trói chặt cả chân tay vào một cái cọc. Người nọ cách người kia độ 5 thước ta.

Mười hai đao-phủ-quân tuốt mã-tấu ra sáng quắc, hơi sắt làm lạnh cả tóc gáy thiên hạ đứng xem chung-quanh. Muốn được cẩn thận mười phần, các chú đem theo cả đá mài, để ngay trước mặt tội-nhân mà liếc mài soàn-soạt, trong khi những người linh kia hì-hục làm việc trói tay đóng cọc.

Ba hồi trống giục...

Vừa dứt tiếng trống, quan Hình bộ đứng ngàn dọng tuyên đọc tờ chiếu rồi đến bản án kết-nghĩ sáu người đóng cọc kia vào tội lăng-trì.

Thiên hạ lặng lẽ lóng tai, nhưng chỉ nghe lảng vảng những chữ « loạn thần tặc tử » và « quốc-pháp », thế thôi.

Cuộc hành-hình bắt đầu.

Sáu tội-nhân đồng thời thụ-hình.

Đao phủ-quân cầm dao lăm-lăm trong tay, cứ nghe biệu trống đánh một tiếng từng, thì lốp nào tù nấy, đưa dao xẻo của tội-nhân một miếng thịt, bắt cứ ở vai, ở đùi, ở lưng, ở bụng, con dao múa một vòng tiện đâu hạ xuống cả đấy.

Người đứng xem từ-vi, dày đến mấy lớp. Nhiều khán-giả may được chỗ đứng ở lớp trong, gần kề, xem rõ, nhưng lại yếu bóng vía, hễ nghe tiếng trống thì nhắm mắt lại ; một lát mở ra, trông thấy máu đỏ lòm nhễ-nhại ở chỗ thịt vừa bị cắt. Trừ kẻ có lá gan sắt mới đứng xem mãn-nhãn từ đầu chí đuôi, lắm người chỉ mở mắt nhắm mắt hai lần, rồi thì lủi đi chỗ khác.

Những người đứng lớp ngoài xa, tự nhiên không trông thấy gì cả, chỉ nghe sau một tiếng trống, là những tiếng ối, tiếng ái, tiếng kêu trời ơi, xen lẫn với những tiếng mắng, tiếng chửi... trước còn nhiều và rõ, lâu dần thưa bớt, nghe yếu mãi đi.

Thì ra tội-nhân có sức chịu đựng khác nhau : cậu bé Lê-văn Cử bị lóc có một miếng thịt đùi đã chết ngất, chẳng còn biết gì nữa ; Đặng-vĩnh Ưng vốn là nho sĩ, da thịt mềm mỏng, cắn răng chịu được ba dao ; duy có mấy viên võ tướng là bền bỉ khỏe sức, coi sự cắt đi dăm bảy miếng thịt không có nghĩa lý gì, phải chặt đứt cổ thì họ mới chết.

ĐÃ BÁN KHẮP ĐÔNG-DƯƠNG CUỐN LỊCH-SỬ TIỂU-THUYẾT GIÁ-TRỊ CỦA HẢI-BẰNG

ĐƯỚI BÓNG CỜ SON

Một tài liệu quý giá của tất cả người Việt-Nam muốn ôn lại quốc-sử. Sách in rất công phu. Gần 300 trang, khổ rộng 13 x 22. Giá đặc biệt 4p00. (Số sách có hạn)

CÒN RẤT HIẾM : **Gió Bụi Kinh Thành** Tiểu-thuyết của CẨM-ÁI — Giá : 1p50

NHÀ IN Á-CHÂU XUẤT BẢN 17 EMILE NOLLY HANOI TEL. 1260

Không ai lạ lùng gan góc như Võ-vĩnh Lộc bị xẻo tới mười hai mười ba miếng thịt, nát khắp mình mẩy, máu loang đỏ người, mà tâm tình vẫn đẹp như thường, miệng vẫn cười khanh khách và mắng chửi tứ tung :

— Chúng bay hèn lắm, muốn giết người ta thì chém phứt một đao cho xong, đừng cắt từng miếng chẻ bỏ ngửa thịt tao !... Chúng bay hèn lắm !

— Chặt đầu nó đi ! quan giám-sát truyền lệnh.

Có thế mới bịt được miệng thóa-mạ của Võ-vĩnh Lộc.

Trong đám khán-giả, nhiều người thuộc truyện Tam-quốc, xầm xì bảo nhau :

— Cái mặt của thằng cha đó dễ thường to bằng mặt Khương-Duy !

Một lúc sau, sáu tội-nhân chỉ còn lại sáu chiếc thủ-cấp bêu lên cao cho dân chúng thấy ; còn thi-hể đã cắt xẻo lung tung và những miếng thịt vụn, người ta nhặt nhạnh đem đi một nơi đốt cháy thành tro rồi đổ xuống bể.

Sáu chiếc thủ-cấp còn phải vất vả,

Vâng lệnh nhà vua, người ta lại hỏ sáu quả dừa có mắt mũi đó vào một cái, thêm hai cái sọ Lê-văn Khôi và Nguyễn-văn Trấn là tám, trên cắm cây phướn dài bằng vải hồng điều, viết mấy chữ to : « *Đầu lâu bọn phản nghịch đã chịu quốc-pháp* », rồi sai chuyền đi các tỉnh, bêu cho dân thấy mà răn sợ.

Thoạt tiên, chuyền từ kinh-đô ra Bắc-hà, lại từ Bắc-bà vào Nam-Trung rồi trở về kinh để chịu lửa hóa ra tro, đem trộn với phân trấn phân ngựa, trước khi đổ trút xuống bể, tỏ ý làm tiêu diệt giống phản nghịch triều-đình, không thể sinh hóa được nữa.

Tám thủ-cấp đi chu-du nam bắc hơn ba tháng trời, lúc trở về kinh chỉ còn trơ xương, hôi thối nồng nặc, trông rất ghê sợ. Ngay từ kinh-đô chuyền ra Bắc-hà, đầu tháng giêng đến thành Thăng-long, mất mũi ở tám chiếc mới đã tiêu hết, chỉ còn lại mấy cái lỗ trống, nhiều người thấy gớm, không dám nhìn ngó chán chường.

Nhất là ruồi nhặng chui vào những lỗ trống ấy mà đục khoét chán rồi bay ra một lượt như đàn ong, ai cũng sợ chúng lại đậu vào mình thì khốn.

Lúc bêu chuyền tới Gia-định, trời lại nắng to, ruồi nhặng bu lại càng nhiều, sư bầu thầu ghê tởm không thể tả hết. Đến nỗi người Gia-định chạnh lòng thương hại, bàn riêng nói lén với nhau :

— Người ta có tội, chém giết thì thôi, làm gì hành hạ tới đầu-lâu quá thế ?... Bắc nọ quân nguy bắt được binh triều trước triều có xử nhẫn tâm đến nước ấy đâu !

Trong mấy tháng đầu-lâu đi dạo như thế, ở kinh thành, quan Hình-bộ lại xử một vụ án phản-nghịch nữa, cũng dính líu chặt chẽ với loạn Phiên-an.

Hai bị-cáo là Nguyễn-chương Đạt và Thái công Triều.

(còn tiếp)

HỒNG-PHONG

Hộp thư

Ô. N. H. ĐỨC — Sẽ đăng « Nép đầu dưới cánh ».

SẮP CÓ BÁN :

PHÒNG-LÃNG

Thơ của ĐỖ-HUY-NHIỆM

Có 100 bản in riêng vào giấy Impérial d'Annam cho các bạn đặt tiền trước. Giá 8p.00

Thơ từ, Mandat xin đề :

Đỗ-huy-Nhiệm, Hypothèques, Hanoi

Tết Trung-thu năm nay hãy làm quà cho trẻ em :

ĐỘC-QUYỀN PHÁT-HÀNH

TAM-ĐA và công-ty

72, Wiélé — HANOI

ĐỒ CHƠI Pimprenelle

mỗi đồ chơi là một công-trình sáng-tác về mỹ-thuật Mỗi đồ chơi là một hình-ảnh sinh-sản của nước Việt-Nam thời xưa.

Một cuộc triển-lãm tranh và đồ sơn

Hồi 4 giờ chiều ngày 26 juillet vừa qua, tại phòng thông-tin phố Paul Bert Hanoi đã khai-mạc cuộc triển-lãm các bức họa của các đồ sơn của hai họa-sĩ Nguyễn gia Trí, Phạm Hậu. Quan khách tới coi khá đông.

Mọi người đều tấm tắc khen những chiếc hộp sơn mỹ-thuật của họa-sĩ Phạm Hậu, nước sơn lộng lẫy, kiểu vẽ lại vui và ưa nhìn. Nhất là bức bình phong lớn đề giá 2000 $, bình dung cảnh làng mạc ở chân núi, với những đám ruộng, những cây gạo đỏ ối những hoa, màu sắc rất nhịp-nhàng, bố-cục rất đắc pháp, được công chúng chú ý đặc biệt. Cảnh này có thu nhỏ lại vào nắp một chiếc hộp chữ nhật, với những màu sắc tương-đương nhưng cảnh vẽ trên hộp coi kém về nhiều.

Còn những bức hoa của ông Nguyễn gia Trí phần nhiều chăm phá các cô gái theo nhiều điệu bộ cử-chỉ khác nhau, nhiều bức coi thật tự nhiên thần tình nhưng cũng có nhiều bức điệu-bộ coi cầu-kỳ quá. Ai cũng nhận thấy rằng họa-sĩ Nguyễn gia Trí ở đây có ý hình-dung hết các cử-động, các điệu-bộ, cả đến cái « động » của chiếc võng nữa. Tuy chưa hoàn-toàn thành-công, song ý-định đó rất đáng ngợi khen, và khuyến khích. Nhất là những cử-chỉ điệu-bộ của 3 cô gái đuổi bắt bươm bướm trên bức bình-phong sơn lớn thật đã khiến được những người khó tính nhất phải im lặng. Cả bức bình-dung cảnh chùa buổi hoàng-hôn cũng được nhiều người chú ý.

QUỐC-GIA

67 Neyret HANOI

ĐÓN XEM :

1) Dân-tộc Việt-Nam qua hai nền văn-hóa đông, tây khảo-luận của Hoàng-cung ;

2) Ông Hoa Bằng đã đáp lời tôi đâu ? của Bế Lăng Ngoan và nhiều bài khác của Ưng Hòe, Lê văn Hòe, Trúc Khê, Hà Hải v. v... đăng trong

QUỐC - GIA

(phần người lớn số 3 ra ngày 31 juillet 1944)

Bổ thận tiêu độc

Thuốc lọc máu tiêu hết nhiệt độc ngứa lở và di-độc hoa liễu, nay bán giá mới 1p00 1 lọ nửa á 5p. một tá 9p50. Thuốc số 2 trừ lâm-trọc đủ mọi thời kỳ 5p.

Nhà thuốc TÊ-DẦN

131, Hàng Bông Hanoi

Đại - lý : Haiphong Mai-Linh, 60 Cầu-đất. Nam-định Việt-Long 28 Bến Củi.

Anh-Lữ

58 — Route de Hué — HANOI

ĐẸP, NHANH CHÓNG, BỀN, GIÁ HẠ

Hiệu giầy ANH LỮ mới chính đốn lại (catalogue) các kiểu giầy năm 1944. Có nhiều kiểu đẹp, rất hợp thời trang để kính biếu các quý khách trong 5 cõi. Bán buôn bán lẻ khắp mọi nơi.

Các sách dạy :

HỌC VÕ TÀU, VÕ NHẬT, VÕ TÂY, VÕ TA

Võ Tàu cuốn I giá 0p50, II 1p00, III 1p50, IV 1p50, V 1p80, VI 2p50, VII 2p50, VIII, IX, X, gồm 0p80. Gồm dạy đủ : Quyền, Giáo, Côn, Kiếm, Đao, Thương, và Trung-Bình-Tiêu. Lại có thêm La-Hán Quyền, Học Đấu Võ Tàu 1p50, Môn Võ Bí Truyền Song-Luyện 2p50, Thiếu-Lâm quyền Pháp-chính Tông 1p50, Võ Annam 1p50, Võ Nhật 1p50, Võ Tây (Ăng-lày 3p00. Lối võ thường dùng 1p.00

Ở xa gửi mua thêm cước phí. Thơ, mandat đề cho nhà xuất-bản :

NHẬT-NAM THƯ-QUÁN

n° 19, phố Hàng Điếu, Hanoi

Các ngài hãy dùng :

PHẤN TRÌ BÔNG-DƯƠNG

(Graphite Indochinois,

Mỏ « Hélène chi I » « Hélène chi II » « Hélène chi III » phố Lu Laokay. Đã được công nhận là tốt không kém gì ngoại quốc, công việc cẩn thận. Gửi nhanh chóng khắp Đông-dương.

SỞ GIAO DỊCH :

Éts. TRỊNH - ĐÌNH - NHỊ

153 A. Avenue Paul Doumer Haiphong Ad. Tél. AN-NHI Haiphong — Tél. 707.

Cần đại-lý khắp Đông-dương

Phòng tích Con chim

ĐÃ CÓ BÁN HAI CUỐN TRUYỆN MỚI của Lê-văn Trương :

CÁI - THIỆN

Đọc cuốn này, người ta thấy tội ác cũng có cái nghĩa của nó, khi người ta mắc vào tội ác để hiểu nó và để vượt lên trên nó. Giá 3p00

HAI ĐỨA BÉ MỒ-CÔI

Đây là truyện lập thân của hai đứa trẻ bị ném ra đời với hai bàn tay trắng, với một nghị lực là tất cả vốn liếng, và khi-giới để tự vạch một con đường đi trong đời. — Giá : 4p20.

HƯƠNG - SƠN XUẤT - BẢN

CẦN THÊM RẤT NHIỀU ĐẠI-LÝ

tại các tỉnh thành, phủ, huyện các nơi đông đúc, khắp Trung Nam Bắc-kỳ đã bán các thứ thuốc chuyên trị các bệnh cam sài trẻ em, thuốc Cai A Phiến, (từ nhật khước yên hoàn), các thứ thuốc về các bệnh ngoài da như sẩu, ngứa, lở, mụn nhọt Thuốc thổi nhiệt, trẻ giải cảm, trẻ tẩy trị bệnh táo bón, thuốc chữa gà toi vân vân...

Xin viết thư cho M. Ngô-v'-Vũ chủ nhân nhà thuốc :

VIỆT-LONG

58 Radeaux (Hàng Bè) Hanoi

Để lấy bản thể lệ làm đại - lý và được mục

TRUYỆN NGƯỜI HÀNG XÓM

TRUYỆN DÀI của NAM-CAO

(Tiếp theo)

Hiền học ông giáo ít hơn học thằng Tam. Bởi vì ở trong lớp, Hiền ngồi ngay ở bàn đầu. Một bên nó là một thằng lác mắt, các bạn đặt tên cho là Cát giá. Bên kia là một thằng bé lì xì và khóc suốt ngày, y như thằng Đạc. Ba đứa như lọt vào gầm bàn thầy giáo. Chúng học hay chơi, làm trò gì, thầy cũng không thể biết. Thành thử mỗi thằng chỉ xịt xoạt suốt ngày; một thằng há hốc mồm ra một cách rất ngây ngô để nhìn chân, nhìn đầu gối, nhìn cái bàn tay thầy đặt trên đùi; còn Hiền thì chỉ nhìn hết cái mồm há hốc dưới đôi mắt lác của thằng này lại nhìn đến hai con giun xanh thập thò trong lỗ mũi thằng kia, chẳng bao giờ nhìn lên bảng hay nhìn vào sách. Những giờ nghỉ, nó mới rở sách ra, ngồi học với Tam. Tam đã bập bẹ đánh vần rồi. Tam dạy nó. Khi Tam thổi nấu, nó cũng theo Tam vào bếp. Nó giúp Tam nhặt rau, rửa bát. Chẳng bao lâu, nó học được cả cách vo gạo, nấu cơm và các món ăn. Nó rất thích làm. Nhiều khi Tam chỉ đứng trông cho Hiền làm tất cả. Ban đêm, hai đứa ngủ với nhau trong bếp, bởi vì Hiền sợ ông giáo, không dám ngủ với ông trên gác. Muốn cho có bạn, Tam vẫn dọa Hiền rằng: ông giáo thường bị ma nhập vào người, khiến điên cuồng; những lúc ông nói một mình, chính là những lúc ma hành; nếu Hiền ngủ với ông, tất có đêm ông bóp cổ. Hiền không tin hẳn, nhưng mấy lần ông giáo gọi lên bảo vào màn ông mà ngủ, nó đều vâng dạ cho xong chuyện rồi lẻn xuống nhà với Tam...

Cứ vậy, tháng ngày trôi. Cuộc đời, cố nhiên là chẳng có gì vui, nhưng cũng không buồn lắm. Ở hoàn cảnh nào mà chẳng vậy? Khi người ta đã quen đi; thì mọi cái cũ nhàn nhạt, thường thường như thế cả. Xóm Bài thơ, đối với Hiền, đã gần thành một kỷ niệm xa xôi. Mỗi lần sực nhớ đến mẹ, hoặc Cầm, hoặc Tiền và các bạn xưa, Hiền cũng bồn chồn. Nhưng nó chỉ bồn chồn một lúc thôi. Trong một lúc, nó ngẩn người ra. Lòng nó bâng khuâng, như khi ta nghĩ đến một người thân chết đã lâu, một người thân mà ta đã khóc mất rất nhiều nước mắt. Hiền cũng vậy. Nó đã khóc thầm, khóc vụng biết bao đêm, rồi bây giờ cũng nguôi đi. Cuộc đời mới, bên cạnh một ông giáo chỉ chúi mũi vào sách suốt ngày đêm và một thằng ở nhờn lộc ngộc nhưng tinh khí vẫn trẻ con, đã gần có thể gọi là chịu được. Thì bỗng một việc lại xô lệch sự bình tĩnh đã gần trở lại làm hồn nó.

Hôm ấy là chủ nhật. Trường đóng cửa. Hiền ngồi xem Tam và ăn ngay ở nhà ngoài. Bỗng có tiếng dụt dè gõ cửa. Tam không ngẩng mặt lên, hỏi như quát:

— Ai?

— Tôi đây. Thầy giáo có nhà không?

Hiền tái mặt. Thứ tiếng vừa đáp lại Tam, nghe quen lắm. Hiền ngờ là tiếng mẹ, nhưng chưa dám tin là mẹ, sợ không phải thì *chán quá*. Đã lâu lắm, mẹ nó không đến trường thăm nó, đến nỗi nó tưởng như mẹ nó đã đi đâu mất tích. Nếu bây giờ là mẹ nó... Nó nhắc thầm trong trí: «Không phải... Nhất định là không phải!...» Nhưng vẫn thấy lòng phấp phỏng. Mắt nó nhìn trừng trừng vào chỗ cửa. Nó cũng không còn đủ sức để bảo rằng: cửa khép.. Chính Tam phải bảo:

— Cửa không cài then đâu. Đẩy ra mà vào!

Kẹt một tiếng, cánh cửa từ từ mở. Một cái mặt đàn bà bịt khăn vuông từ từ hiện ra. Hiền trố mắt nhìn. Mắt nó hoa lên...

— Mợ!

— Con!

Mắt Hiền mờ hẳn đi. Nước mắt nó rỏ theo nhau dòng dòng. À, thì ra từ lâu nay, nó hay khóc lắm rồi. Những nỗi đau khổ ngấm ngầm ăn chìm mãi vào trong, như một cái mầm bệnh đã nhập vào xương tủy; người ta cứ tưởng mình rằng mình khỏe mạnh, nhưng chỉ cần một hôm trời trở gió, một đêm thức quá khuya, một dịp người nhọc mệt, để bệnh hoạn lại nổi lên đùng đùng... Mợ Hiền cũng khóc. Thị đi lại sát chỗ Hiền ngồi, lục thúng đưa cho Hiền một khúc sắn. Thị quay lại đưa cho Tam một khúc. Tam nhe răng ra cười:

— Bà lại cho con quà!

— Có gì đâu? Anh ăn với em một miếng cho vui.

— Vâng! Này ăn đi, chú Hiền!

— Anh ăn đi, em nó có rồi. Thì lại quay vào nhìn con liền bên lẽn. Nó nhìn khúc sắn, ngoẹo đầu đi. Mẹ nó chửi yêu:

— Mẹ mày! Sao không bóc vỏ mà ăn đi?

Nó phụng phịu, làm như đứa trẻ. Mẹ nó xòe tay bảo:

— Đưa mợ bóc cho nào!

Tam chế:

— Ấy chết! anh cu lại cược làm nũng đấy.. Lêu lêu! Có anh cu thấy mợ đến làm nũng!

— Không phải. Em nó giận tôi lắm không đến chơi với nó đấy. Anh đừng cười em.

Tam sực nhớ ra.

— Chắc bà ở cữ kiêng không đi được?

— Phải.

— Bà ở cữ em gái hay em gái?

— Cháu gái.

— À, thích nhỉ!

Nó ôm lấy Hiền, cù nách, cấu:

— Tại anh cu cậu nhé! Thích có cậu nhé! Có em gái rồi.

Rồi nó bảo mẹ Hiền:

— Bao giờ bà xin phép thầy cho Hiền về chơi với em một ngày.

— Phải!

Nhưng thị nói lảng ngay:

— Tôi ở cữ xong, ốm luôn năm, sáu tháng.

Hiền ngừng mặt lên nhìn mẹ. Mẹ nó xanh lắm, đôi mắt thâm quầng... Nó chợt nhớ ra rằng: chính vì thế, mà lúc mẹ mới vào, nó không nhận ra ngay được, phải nhìn một lúc. Nó thương mẹ lắm. Cầm lấy miếng sắn trên bàn tay mẹ bỏ vào miệng nó vừa nhai vừa hỏi:

— Mợ ốm thế nào?

— Mợ phù.

— Phù là thế nào hả mợ?

— Phù là nó nặng mặt ra, rồi sưng cả chân tay mà người thì nhọc mệt ươn ao, không ăn được.

Hiền trố to đôi mắt:

— Thế nhân tay mợ tự nhiên sưng lên à?

— Sưng to lắm.

Hiền nắm lấy bàn tay mẹ. Cái cổ tay gầy ngẳng. Những ngón tay nổi đốt. Ở mu bàn tay, những đường gân xanh bóng ra ngoài lớp da trong. Hiền nắm mãi cái bàn tay xanh mướt ấy, như yêu quí lắm. Mẹ nó... nắm lại bàn tay nó. Hai mẹ con cùng lặng lặng.. Bỗng mẹ xịt mũi một cái và nói như một người chợt tỉnh:

— À mà mợ phải lên chào ông giáo đã!

— Thế nghĩa là phải chờ tay sắp đến. Hiền nhìn mẹ bằng đôi mắt đau đớn. Mẹ nó tránh cái nhìn của nó. Nó vẫn kịp nhận ra rằng: Mẹ nó lại vừa mới khóc..

— Con ngồi đây nhé! Mợ lên gác chào ông giáo.

Thị đứng lên, sửa sang lại cái áo vải nâu gọn ghẽ rồi đi lên. Hiền nằm dài xuống một cái ghế, lọt giữa khe hai cái bàn.

Một lúc lâu sau nó nghe tiếng xụt xịt ở cầu thang. Nó biết là mẹ xuống. Nó ngồi ngay dậy. Mi mắt và mũi mẹ nó đều đỏ cả lên. Thị đã khóc và hỉ mũi nhiều trên ấy. Thị không ngồi lại, chơi với con một lúc nữa như thường lệ. Thị đứng lại ở chỗ bàn đầu, mếu máo.

— Mợ về đây.

Tiếng nói tắt đi để cho tiếng khóc bật ra. Thị nắm vội lấy cái thúng ở mặt bàn, chực chạy đi. Hiền kêu lên:

— Mợ!

Nhưng mẹ nó đã ra khỏi nhà rồi. Cánh cửa khép vội lại sau lưng thị. Hiền úp mặt xuống bàn nức nở. Tam sửng sốt: chưa bao giờ nó thấy Hiền khóc to đến thế. Thằng bé gầy chết lăng đi trong tiếng khóc. Tam khẽ lay lưng nó:

— Thôi! Em ạ... Khóc làm quái gì! Chủ nhật sau, mợ lại đến đây mà.

Không! không! Hiền biết lắm. Một cái gì vừa vụt bảo cho nó biết: lần này là lần chót... Sau lần này là hết cả! Hết cả rồi! Mẹ, con sẽ chẳng còn bao giờ thấy nhau...

Buổi trưa hôm ấy, Hiền ăn rất ít cơm. Buổi chiều cũng

EROS

Xì-gà nhẹ, thơm, êm dịu, rất thích hợp cho người nghiện thuốc lá nặng. Bán lẻ khắp nơi. Bán buôn tại hãng thuốc lá FATONCI, 87 Rue de Huế Hanoi — Téléphone 27

vậy. Mắt nó chẳng lúc nào hết nước. Ông giáo không hỏi, cũng không an ủi. Có lẽ ông biết tất cả những lời an ủi đều vô ích: nói đến Hiền, chỉ khiến cho nó có dịp mà khóc lớn. Vậy ông cố làm như không biết rằng nó khóc. Nhưng sau bữa cơm chiều, ông gọi Tam lên, đưa cho nó một hào và bảo:

— Mày rửa bát xong, quét dọn sạch sẽ, rồi giắt thằng Hiền đi chơi. Cầm lấy hào này, muốn tiêu gì thì tiêu.

Tam hiểu. Nó giọn nhà cửa gọn ghẽ rồi, rồi gọi thằng Hiền:

— Tớ đi ra phố đây. Hiền có đi không?

Hiền lắc đầu. Tam bảo:

— Thầy giáo cho cả hai chúng mình đi chơi đấy. Lại cho chúng ta một hào nữa.

Hiền đột nhiên nhanh nhẹn lại:

— Thầy cho đi, thật à?

— Thật đấy. Đồng hào đây.

— Đi lâu chóng?

— Bao giờ về cũng được. Mày đi chứ?

— Anh có biết lối đến xóm Bài thơ không đã?

— Biết thừa! Cậu lại muốn về nhà chơi có phải không

Hiền cười. Tam nghĩ ngợi...

— Nhưng mà tôi thêm vào! Đưa cậu về rồi lúc đi cậu lại khóc.

— Không! Tôi lạy anh! Anh cứ đưa tôi về! Từ ngày đi học đến nay, tôi chưa được về

— Tam bằng lòng. Muốn chơi ngông, chúng thuê xe. Ngồi trên xe, Hiền tíu tít nói luôn mồm. Có lẽ vì mừng. Nhưng cũng có lẽ vì lo. Không biết tại sao, nó cứ thấp thỏm sợ không gặp mẹ nó ở căn nhà ngày xưa nữa...

Xe bắt đầu giẽ vào ngõ ngang. Hiền đã thấy trống ngực đập mạnh. Lộc trông thấy Hiền trước nhất!

— Ái chà! Cậu cả Hiền sang nhỉ! Diện xe cao xu cẩn thận.

— Kìa thằng Lộc! Tiền đâu!

— Ở trong ú ấy.

Và Lộc cười khanh khách. Ồ! Vẫn thằng Lộc cũ, hay cười và nghịch ngợm. Hiền cũng cười rồi hỏ lại:

— Con Tiền đâu, hở mày?

— À! Mày hỏi con Tiền. Tao lại ngỡ mày hỏi tiền để đâu... Con Tiền / hả? Nó ở nhà nhà nó. Mày bỏ vợ mày lâu thế, vợ mày đi lấy chồng rồi.

— Lấy ai?

— Lấy ông hai tai một đầu!

Chúng lại cười với nhau.

Sách, báo mới

T. B. C. N. vừa nhận được:

— XÃ-DÂN PHÁP-CHÍNH YẾU-LƯỢC (QUỐC-GIA ĐẶC SAN). — Số báo riêng của các Chánh, phó tổng, Tiên, thứ chỉ, Lý trưởng, trưởng bạ). — Khảo cứu công phu, biên soạn kỹ lưỡng những cách thức tổ chức hương thôn, cách lập biên bản, tống, đạt trát, nộp thuế, trước-bạ, phạt vi-cảnh, và nhiều điều cần-yếu khác... Giá 6p.

— KINH DỊCH (cuốn I trong bộ 4 cuốn) do NGÔ TẤT TỐ dịch, nhà MAI-LĨNH xuất bản, dày 235 trang.

— TRUNG-DUNG CHÚ-GIẢI của PHAN KHOANG, do nhà MAI-LĨNH xuất bản, giá 2p.

Xin có lời cám ơn hai nhà tặng sách và giới thiệu với bạn đọc.

+ AI MUỐN BIẾT +

Các thứ thuốc và các cách điều trị đủ các chứng bệnh nam, phụ, lão, ấu theo hai khoa y học và bào chế Đông Tây, hãy hỏi mua những sách thuốc do ông bà Lê-văn-Phấn, y-sĩ và bào chế sư, tốt nghiệp trường Cao-đẳng y-học, chuyên khảo về thuốc Nam Bắc, đã soạn và dịch ra Quốc-ngữ. Sách nói về chữa bệnh phổi, dạ dày thận, tim, bệnh hoa liễu v. v.. sách về sản dục nhi khoa đều giá 1$ 1 bộ. Thư từ mua sách hoặc hỏi về thuốc men chữa bệnh xin đề:

Monsieur et Madame LÊ-VĂN-PHẤN
Médecin civil et pharmacienne
N°16, rue Ba-vì Sơntây—Tonkin

Hiền chợt trông thấy một người đàn bà Tàu bế đứa con đội một cái mũ có đính mặt gương, trong căn nhà bên nhà Lộc...

— Ai đấy, mày?

— Thím Cóong.

— Thế bác cai Minh không ở đây nữa à?

Lộc bĩu môi:

— Tôi lại thụi cho anh một quả bây giờ! Anh còn vờ vịt nữa.

— Vờ vịt sao?

— Sao mày hỏi bác cai Minh?

— Ừ, thế trước kia bác cai Minh chả thuê căn nhà này là gì? Tao thấy bác ấy không thuê ở đây nữa thì hỏi: bác ấy ở đâu?

— Ở nhà mày ấy. Mày không biết hay sao mà còn phải hỏi?

Hiền tức quá. Nó có biết gì đâu! Sao bác cai Minh lại ở nhà nó? Nó nghẹn ngào, hỏi Lộc:

— Thế mợ tao?...

Lộc cười tàn nhẫn:

— Mợ mày ấy à? Mợ mày thì lại ở nhà bác cai Minh!

Hiền biết rằng Lộc muốn trêu chọc nó. Nó không thèm hỏi nữa, ngoắt đi. Nhưng Lộc gọi lại:

— Mày đi đâu đấy?

Hiền không thèm đáp. Nó xăm xăm đi về phía căn nhà cũ. Nhưng Tiền trông thấy nó và reo lên:

— A! thằng Hiền!... thằng Hiền kìa, mợ ơi.

Bà Ngã, nghe tiếng con reo, quay lại:

— Ừ nhỉ! Thằng Hiền đấy à, cháu? Bây giờ cháu ở đâu?

— Con ở trường học.

— Ai chả biết! Nhưng mợ mày với dượng mày kia!

Hiền ngơ ngác. *Dượng mày*... Dượng của Hiền là ai? Bà Ngã không nhận thấy nét mặt Hiền, nên hỏi tiếp:

— Mợ mày với dượng mày bây giờ buôn bán hay đi làm?

— Con không biết!

(còn nữa)

NAM-CAO

NHẪN-NHỤC

(Tiếp theo trang 10)

mình, một cái gì đã chắn ngang, phá tan niềm thân ái thuở xưa. Mụ muốn tới bên chồng, hỏi rất nhiều chuyện, nói với hắn tất cả nỗi gian lao cơ cực, tất cả lòng mong mỏi nhớ nhung trong mấy tháng cách xa. Thế mà mụ sờ sợ, rụt rè, rồi quay xuống bếp muốn khóc. Trong dịp Tết, mụ thấy chồng hay phát bẳn gắt gỏng vô lý, đối với mình kém vẻ đằm thắm yêu đương, và mới mồng chín, khi làng chưa hết hội hè, hắn đã soạn sửa ra đi, lấy cớ rằng rốn ở lại sợ chậm chễ cả công việc.

— Năm ni mưa thuận gió hòa, hay là ở nhà cầy bừa vi tui. Mụ đánh dạn khuyên chồng một câu. Hắn cau mày gắt: « Ở nhà mà chết đói à? Đi đây! »

Thế là hắn xách gói ra đi, suốt cả một năm ấy không gửi thư từ, tiền nong gì cả và điều mà mụ nơm-nớp lo sợ, một buổi chiều kia đã thành sự thật hiển nhiên. Độ tháng mười, Hoa Mai về cúng giỗ bố, mách với mụ rằng ông Hưng đã lấy vợ mọn. « Ông ấy thế mà có số đào hoa; làm cu-ly gánh hàng cho nó không biết chim chuột, tán tỉnh làm sao khiến nó phải lòng, nó nôm quách. Họ định sang năm đưa nhau về lập phố đầu chợ Hôm buôn bán, ở ngoài ấy lâu, sợ mang tiếng cùng bà con bên ngoại. Ui chà, nhiều vốn đáo để, liệu xử cho khéo mà nhờ ».

Mụ tin ngay lời nói của Đỏ Mai, và nhớ lại lời tiên đoán của cha, mụ ngán-ngao cho số phận, bỏ ăn bỏ làm mất hai ngày, vùi đầu dưới chiếu khóc rưng rức!

Tết đến, hương Đạt lại về, béo trắng thêm ra, ăn bận có phần nho nhã, quần lụa áo the, ngoài khoác chiếc *ba-là-xuy* mới sắm, và khi ông cười, hai cái răng vàng lóng lánh giữa cặp môi hé mở. Lần này, ông xử bạc vợ ra mặt, chửi bới, mắng mỏ không ngượng mồm. Hắn không ăn cơm nhà, ngủ bên Câu Lộc, người anh họ, và rục-rịch bán nhà để làm phố mới.

Ra giêng, có người xóm Trại đến dỡ nhà thật và cuối tháng hai một cái « phố tây » nổi lên đầu chợ Hôm, vươn cao mái đỏ lên khỏi nóc xám của những túp lều tranh lụp xụp. Một buổi chiều mưa phùn nhè nhẹ, một cái xe cao xu dừng bánh trước phố, kéo lại đó mấy vòng trẻ con đứng đặc cả đường cái, chỉ trỏ, thì thào, khen: « Đẹp như tiên, đẹp *không chê được* » Ở xe bước xuống một mụ đàn bà, mặt phinh phính, đầu chít khăn nhung, tai đeo bông vàng, mình mặc áo xa-tanh đỏ thẫm, quần lĩnh đen nhánh, mang lủng lẳng ở dây lưng bộ xà-tích bạc.

Ông Hương vội vã chạy ra niềm-nở đón chào:

— À mợ đã tới, sao biết nhà giỏi thế?

— Nhà ở đầu miệng, khó khăn gì mà không biết!

Thị quay lại, truyền lịnh cho xe xách va-ly vào nhà xua tay đuổi lũ-trẻ. Đoạn, thị ung-dung bước vô, khám buồng khám bếp, chê nhà làm hơi chật lòng, cửa đóng khí vụng, và thiếu cầu tiêu!

Đoạn, thị lại nằm vắt chân trên cái giường mới kê sát cửa sổ, kêu mệt và khát nước rầm lên, thét con ở vào pha trà ngay.

Trong lúc ấy, mụ Hương Đạt chính thức đang gò lưng cõng gánh củi nặng, đi thất tha thất thểu trên con đường gồ ghề dẫn tới làng, thu góp sức tàn, rảo bước sau những bạn trẻ và mạnh hơn. Đã gần hai tháng nay, mụ ở đợ nhà Cu Nhạc, vì nhà cũ đã bán, nhà mới chưa hoàn-thành. Mấy hôm đắp nền, xây móng, mụ cũng có tới xem sóc công việc giúp chồng nhưng bị hắn hắt hủi, bảo không khiến cái mặt con bù dù ấy; mụ tủi nhục vô cùng thầm hiểu rằng những ngày tươi đẹp sẽ không bao giờ trở lại, mụ đành ở tạm nhờ em, chờ xem thằng chồng bạc bẽo ấy định xử trí ra thế nào.

Tới chợ Hôm, thấy trẻ con đứng lố nhố trước nhà và nghe tiếng *Bắc-cờ* the-thé từ trong đưa ra, mụ chợt hiểu, mụ choáng váng cả mặt mày. May mà vịn được thân cây sầu-đông bên đường, không thì đã bổ quỵ xuống. Mụ đứng sững một lát, lấy sức, rồi cố lết về nhà, ném củi xuống sân, một mình lên chõng, nằm nghỉ cho dầu

bớt nóng, tai bớt bùng, trống ngực bớt dục. Giọng mỉa mai của ả cu Nhạc bỗng nổi lên trên khung cửi: « O Hương đã về à? mừng cho đó! Từ ni thì chán sướng, cửa cao, nhà rộng, lại có mụ hầu đẹp như tiên, tha hồ mà sai vặt ». Anh Cu ru con ở võng bên, đánh bạo trách nhẹ vợ một câu: « Mệ cu nói hay nạ », rồi khuyên chị:

— Ả Hương ạ, mai ả thử ra ngoài nớ, dò ý tứ ra răng. Họ tử tế thì mình ử tế, nhược bằng họ muốn trở mặt, thì ả cứ việc thẳng tay, túm lấy con đĩ xé cho một trận, đừng sợ. Chứ cứ chịu lép mà ở đây mãi, họ cười cho thối óc ra đó.

Mụ Hương nằm im thin-thít suy nghĩ lời em, cho là rất phải. Quả tim mụ tuy héo hắt đã lâu, nhưng ở đó mầm ghen tuông chưa chết hẳn. Mụ tức-tối, bực-rọc, mụ trằn trọc suốt đêm, xếp đặt trong trí chương-trình hành-động và các câu đối-đáp trong cuộc tranh chồng sắp tới.

Sáng hôm sau, mụ thu cả can đảm vào trong tay, hăm-hở ra đi, định làm nên chuyện. Cả nhà Hương Đạt đã dậy, chồng lau tủ kính, vợ ngồi trên sập nhấp nước trà, phì-nộn và bệ-vệ như một bà phủ. Trước cảnh-tượng ấy, mụ Hương mất cả vẻ tự nhiên, và không hiểu sao khi bước qua ngạch cửa chân mụ run lên, hai gối lia-lịa chạm nhau.

Tiếng trên sập oang-oang truyền xuống: « Mụ kia muốn hỏi ai ở đây? »

— Tui hỏi... Tui hỏi...

Hương Đạt ngảnh lại trừng mắt:

— Con kia, ra làm gì đây? Cút ngay đi!

Mụ ấp úng trong cuống họng:

— Ông tệ bạc... Ông bỏ tui.

— Câm cái mồm lại, cút ngay, ông đánh bỏ tiên nhân bây giờ!

Một giọng cười the-thé nổi lên.

— À ra thế, ra mụ đây là vợ cậu cháu đấy. Thế mà tôi không được biết! Mụ muốn ra ở đây phải không? Hừ, được lắm! Chúng tôi mới ra ở riêng, còn cần người hầu hạ; thuê được mụ thì tiện lắm.

Mụ Hương choáng-váng cả người, chưa biết trả lời ra làm sao, người vợ lẽ bắt toẹt chén nước vào góc, tiếp:

— Nhưng nếu mụ tranh chồng tôi, thì xin mời mụ về đi! Tốt lấy chồng, tôi chỉ biết chồng, ngoài ra tôi chả biết con nào mẹ nào nữa. Nhà này không phải nhà mụ không phải nhà cậu cháu; ấy là nhà tôi, mụ không có quyền tới quấy rầy tôi ở nhà tôi nghe chưa. Nghe chưa!

Mụ Hương vuốt mặt không kịp, cúi gằm xuống đất, không thốt ra được nửa lời.

— Xéo ngay đi! Cút ngay đi! Ông mà cho một quả đấm thì tan xương mày ra.

Hương Đạt vừa gầm vừa tiến về phía vợ, hai tay nắm chặt, mắt tròn xoe. Mụ Hoảng hốt quên cả mục đích của mình, quên cả chương-trình hành động đã định, vùng căng chạy một mạch về nhà, ném mình lên chõng, khóc hu-hu.

Hiểu rõ đầu đuôi câu chuyện, cu Nhạc tức uất lên:

— Ăn ở bạc ác rứa cũng có ngày trời chu đất diệt! Mà ả cũng nhát gan quá! Đã nhủ cứ xé cho hắn một mẻ, coi hắn có dám đập ả không mồ!

— Ôi cha mẹ ôi! Hắn to béo, hắn có tiền, có chồng bênh! Mình chết thiệt thân mình, ích chi! Thôi, hắn bạc, trời biết! không thèm nhờ cậy chi hắn nữa. Từ ni cụ mự cho tui ở đây, thương tui vì! Tui mần lấy tui ăn, không cần lui tới nhà hắn nữa, nhục nhã lắm.

Thế là từ đó, trong khi chồng vui sống với vợ lẽ ở cửa hàng tạp-hóa, mụ Hương Đạt ở đỗ nhà Cu Nhạc, cắn răng chịu đựng những lời mai mỉa sự hắt hủi của em dâu. Hoặc giả có người xui dục mụ sinh sự với chồng, kiếm cách ăn vạ, mụ thở dài lắc đầu! Mụ quá hiền lành, mụ sợ những cuộc cãi lộn, đánh lộn, đằng nhau, xé nhau. Tấn kịch xảy ra độ trước giữa mụ và « con đường-ngoài » khiến mụ cạch đến già.

Mụ tự nghĩ: « sinh sự thì sự sinh, đã vô ích lại chuốc thêm cái khổ, cái nhục. Mình hèn yếu như ri, cũng nỏ sống được lâu nữa mô, thôi, cũng đành nhẫn nhục cho trọn kiếp người! »

TAM-KÍNH

SÂM-NHUNG
BÁCH-BỔ
Hồng - Khê
Đạt bổ khí - huyết.
Dễ tiêu hóa. Lợi sinh dục.
Mỗi hộp 2p00
75, HÀNG BỒ — HANOI

Thư-xã Alexandre de Rhodes
mới xuất-bản hai cuốn:

Truyện rừng xanh

Phạm-xuân-Độ phỏng-thuật theo cuốn « Le livre de la Jungle » của R. Kipling gồm có những truyện rất lạ lùng lý-thú, nhiều tranh ảnh, dày 180 trang khổ 17x23

■

Lục súc tranh công

Bản dịch Pháp-văn của Hoàng-hưu-Xứng và A. de R.

Bình-phẩm cuốn này: Cố Cadière đã nói: « So với Kim Vân-Kiều và Chinh-phụ-ngâm thì Lục-súc tranh-công còn tự-nhiên, phổ-thông và có vẻ « an-nam » nhiều hơn lắm... » dày 160 trang khổ 17x23, bìa vẽ mỹ-thuật và nhiều tranh ảnh.

Mỗi cuốn bản thường 4p00 cước 0p50
Bản giấy Đại-la 12p00 cước 1p00

Tổng phát-hành MAI-LĨNH
N° 21, RUE DES PIPES — HANOI

ĐÃ CÓ BÁN:

Khảo cứu về
Tiếng Việt-Nam
của Trà-Ngâm Giá 3p.50
BƯỚC ĐƯỜNG MỚI
Truyện dài lý-tưởng của Dương-Ngà Giá 2p.00
KIM TỰ THÁP
của Phạm-Quang-Định Giá 2p.50
NỬA ĐÊM
Truyện thôn-quê của Nam-Cao Giá 3p.00
MỘT MỐI TÌNH
của Phạm-Huy-Toại Giá 3p.00
GIẤC MƠ PHỒ-MA
Sách Hoa-Mai của Vị-Hồ Giá 0p.30
PHÁCH BƯỚM HỒN HOA
Sách Hoa-Mai của Thế-Hưng Giá 0p.30
BẦY BÔNG LÚA LÉP
Sách Hoa-Mai của Nam-Cao Giá 0p.50
HƯNG-ĐẠO-VƯƠNG
Sách Hoa-Mai của Tiêu-Lang Giá 0p.50

NHÀ XUẤT-BẢN CỘNG-LỰC — N° 9 TAKOU HANOI

HÃY ĐỌC:

Văn Thiên Tường

— Lược khảo và phê-bình thân-thế —
của CHU-THIỆN

TAM-KỲ THƯ-XÃ
N° 64, AMIRAL SÉNÈS — HANOI

■

- Một trung-thần quái-dị đời Tống
- Là tác-giả bài chính khí ca đã trở nên bất-hủ ở trên văn-đàn nước Tầu
- Một tư-tưởng cứng-dắn hùng-liệt giữa một phong-trào đổ nát

« NGƯỜI BỐN PHƯƠNG »

Nhà xuất bản của tất cả người bốn phương những cuốn sách giá trị ra đời, thỏa-mãn sự đòi hỏi của đại-chúng

CUỐI THÁNG JUILLET SẼ CÓ BÁN:

ĐỒNG TIỀN HAI MẶT
Truyện thật rất cảm-động của Ng khắc MẪN

HẠN NAM-QUAN
(NG.-PHI-KHANH và NG.-TRÃI)
bức tranh lịch-sử linh-động
của HOÀNG-CẦM

MỚI PHÁT-HÀNH:

THƠ
của Ng-đức-Chính
Giá 1p50

TRẺ THƠ
của Ng-đức-Chính
Giá 1p50

TARZAN, người khỉ
của TỰ-CƯỜNG
(loại truyện giải trí) — Giá 1p50

XIN CHÚ Ý. — Cần rất nhiều đại-lý bán sách trong các tỉnh, ở thôn quê. Hoa-hồng hậu.
Độc giả nào gửi thư kèm tem trả lời sẽ nhận được một bảng kê những sách có giá trị đã xuất-bản.

Thư từ ngân phiếu gửi cho ông [illegible]
N° [illegible] phố Đường Thành Hanoi — Tél. [illegible]

Trị bách bệnh. Mỗi ve 0$90

NHỊ-THIÊN-ĐƯỜNG DƯỢC-PHÒNG

76, phố Hàng Buồm, Hanoi — Téléphone 249

Mới xuất bản :

Trung-quốc sử-lược

của PHAN KHOANG

Một bộ sách rất quí của bất thầy mọi người muốn hiểu cái căn-nguyên về văn-minh tối cổ của Á-Đông. Sách dày ngót 500 trang in làm 2 loại : Loại thường bán 6p80 cước 0p40. Loại đặc-biệt 15p cước 0p80

Thư và ngân phiếu gửi về :

NHÀ IN MAI LINH, HANOI

Giầy Phuc-My

204, rue du Coton

Hanoi

đã được lừng danh khắp Đông-dương

BỀN, ĐẸP, RẺ

Bán buôn, bán lẻ khắp mọi nơi

(có catalogue kiểu mẫu)

CÁC GIA-ĐÌNH NÊN DÙNG THUỐC

ĐAU DẠ DẦY

HO GÀ

ĐIỀU-NGUYÊN

Tổng-cục : 125 Hàng Bông, Hanoi

Đại-lý khắp cõi Đông-pháp

NÊN HÚT THUỐC LÁ

BASTOS

NGON, THƠM

Giá.. .. .. 0$19

RĂNG TRẮNG KHỎI SÂU THƠM MIỆNG

vì dùng :

thuốc đánh răng

GLYCERINA

Trường học, công sở, nhà buôn cần nên dùng mực

MAGNIFIC

vở giấy, sổ sách rõ rệt, đẹp

Nhà chế-tạo : M. NGUYỄN-HUY-KỲ

BÚT MÁY HAWAIIAN